



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 07

Ngày 28 tháng 02 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

31/12/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 53/2020/QĐ-UBND về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La (Đăng từ Công báo số 06 đến Công báo số 07, ngày 28-02-2021)	3
------------	--	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

25/12/2020	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 19/CT-UBND về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La	44
31/12/2020	Quyết định của UBND tỉnh số 3073/QĐ-UBND phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm tham gia Chương trình Môi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Sơn La năm 2020	48
04/01/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 01/CT-UBND Chỉ thị phát động phong trào thi đua năm 2021	54
07/01/2021	Quyết định của UBND tỉnh số 23/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được Luật giao	58

12/01/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 02/CT-UBND về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2021	65
13/01/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 03/CT-UBND Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý, tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sơn La	72

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2020/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 2782/TT HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Thường trực HĐND tỉnh về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 711/TTr-STC ngày 24 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2021 áp dụng cho các vị trí, tuyến đường, loại đất quy định tại Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2024 và Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020 - 2024, như sau:

1. Đất nông nghiệp

a) Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác:

- Đối với các xã tại Phụ biểu số 01 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,1 lần.

- Đối với các xã tại Phụ biểu số 02 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,1 lần.

- Đối với các xã tại Phụ biểu số 03 kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

b) Đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

c) Đối với đất nông nghiệp trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt và đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường (*giá đất quy định tại Khoản 2 Điều 3 Chương II Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh*): Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

2. Đất ở

Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn áp dụng cho các vị trí, tuyến đường quy định tại Bảng 05, Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019, Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh: Chi tiết theo Phụ lục từ số 01 đến Phụ lục số 12 kèm theo Quyết định này.

3. Đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (*không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và tại nông thôn; đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp*) quy định tại Bảng 6, Bảng 7, Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng hệ số điều chỉnh giá đất ở tại đô thị hoặc tại nông thôn liền kề theo từng vùng, từng tuyến đường, từng vị trí đã quy định tại Khoản 2, Điều này.

4. Đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp quy định tại Bảng 08, Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh: Hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0 lần.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất tại Điều 1, Quyết định này được áp dụng trong các trường hợp quy định tại:

- Điểm a, Khoản 2, Điều 18, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất (*nội dung được sửa đổi tại Khoản 4, Điều 3, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai*);

- Điểm c, Khoản 3, Điều 3, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Khoản 1, Khoản 2, Điều 4, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất (*nội dung được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 2, Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ*).

- Khoản 5, Điều 4, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (*nội dung được sửa đổi tại Khoản 1, Điều 3, Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017*

của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước).

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2021.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La và Quyết định số 42/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung Tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 100 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục số 09

**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN MỘC CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ						
A1	Thị trấn Mộc Châu						
I	Đường Trần Huy Liệu						
1	Từ ngã ba Bưu điện đến đường rẽ vào Bưu điện cũ (Hang Dơi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ đường rẽ vào Bưu điện cũ (Hang Dơi) đến ngã ba đường rẽ vào Phố Tây Tiến (đường vào trường Mầm non Tây Tiến)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
II	Phố Phan Đình Giót						
1	Từ ngã ba Bưu điện đến hết đất Nhà văn hoá huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất Nhà văn hoá huyện đến hết đất trường Trung học phổ thông Mộc Ly	1,1	1,1	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết đất trường Trung học phổ thông Mộc Ly đến đất Đập tràn tiểu khu 1	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ đầu Đập tràn tiểu khu 1 đến cách đường đi từ ngã ba tiểu khu 1 vào UBND xã Đông Sang 20 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
III	Đường Tô Hiệu						
1	Từ giáp Ngã ba Quốc lộ 6 đến đường tránh dốc 75	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ đường tránh dốc 75 đến đầu công viên tiểu khu 4	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ đầu công viên tiểu khu 4 đến hết đất Bưu điện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
IV	Phố Vừ A Dính						
1	Từ giáp đất Bến xe đến công vào trường Trung học cơ sở Mộc Ly	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ trường Trung học cơ sở Mộc Ly đến hết đất trường Phổ thông dân tộc Nội trú huyện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Phố Vũ Xuân Thiều và Phố Nguyễn Hoài Xuân						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
-	Từ đường rẽ Ngân hàng Nông nghiệp "giáp đất KBNN" đến ngã tư Trạm biến thế	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Phố Nguyễn Hoài Xuân						
1	Từ ngã tư Trạm biến thế đến hết đất trường Tiểu học Mộc Ly	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba trung tâm tiểu khu 6 đến ngã ba tiểu khu 1	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Đường 20 - 11						
1	Từ trung tâm ngã ba Lóng Sập đi đến ngã tư chợ Bảo tàng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã tư chợ Bảo tàng đi hết đất thị trấn Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VIII	Đường Nguyễn Lương Bằng						
1	Từ ngã ba đường rẽ vào phố Tây Tiến đến Cầu Trắng	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
2	Từ Cầu Trắng đến hết đất khách sạn Sao Xanh	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết đất khách sạn Sao Xanh đến cột điện li tâm 7A1 (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02) tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
4	Từ cột điện li tâm 7A1 (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 02) tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu đến hết đất thị trấn Mộc Châu	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
IX	Phố Tuệ Tĩnh						
1	Từ Quốc lộ 6 20 m đến ngã ba đường rẽ Bệnh viện	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba đường rẽ Bệnh viện đến trường Tiểu học và THCS Tây Tiến	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ trường Tiểu học và THCS Tây Tiến đến cách ngã tư chợ Bảo tàng 20 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
X	Các tuyến đường nội thị khác						
1	Từ đất Đập tràn tiểu khu 1 đến hết thị trấn Mộc Châu (hướng đi bản Búa, xã Đông Sang)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba bản Mòn đến hết đất thị trấn Mộc Châu (đường đi Đông Sang)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
3	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm Hành chính mới (quy hoạch 17,5 m)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
4	Các tuyến đường nội thị khu Trung tâm Hành chính mới (quy hoạch 11,5 m)	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
5	Đường tránh dốc 75: Từ ngã ba đường tránh dốc 75 (Quốc lộ 6) đến đất Nhà văn hóa tiêu khu 3	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
6	Từ ngã ba đường trục chính Trung tâm Hành chính cũ đến ngã ba đến cách Quốc lộ 6; 20 m (hướng đi qua Công ty Hợp tác Quốc tế 705)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20 m theo đường vào khu đất Thanh tra giao thông I.02 ra đến cách Quốc Lộ 6 20 m (tiểu khu 3)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Từ hết thửa đất nhà ông Tâm (thửa 24, tờ 18) đến ngã ba bản Mòn (tuyến phố Bình Minh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Từ hết đất Công ty Sửa chữa đường bộ 224 đến điểm giao nhau với phố Tuệ Tĩnh cách 20 m (ngõ Hoa Anh Đào)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Từ đường rẽ xuống xóm bưu điện cũ cách 20 m đến suối (tiểu khu 8)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Từ hết thửa đất số 136, tờ bản đồ số 25 (nhà bà Liên Mão) theo tường rào Chợ trung tâm huyện Mộc Châu đến hết thửa đất số 238, tờ bản đồ số 25 (tiểu khu 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
12	Từ hết đất Khách sạn Hương Sen theo tường rào Công an huyện Mộc Châu đến hết đất Công an huyện, tiểu khu 6	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
13	Từ hết thửa đất nhà ông Liêm Tân (ngoài phạm vi 20m Quốc lộ 6) đến hết đất nhà ông Vương Thành Chung thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
14	Từ hết đất lương thực (ngoài phạm vi 20 m Quốc lộ 6) đến đất nhà ông Tráng (thửa đất số 85, tờ bản đồ 25)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
15	Từ hết đất nhà ông Lại Vũ Hoạt (thửa đất số 99, tờ bản đồ 08) đến hết thửa đất số 54, tờ bản đồ số 8 (tiểu khu 13)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
16	Từ thửa đất số 73, tờ bản đồ số 12 đến hết thửa đất số 14, tờ bản đồ số 9 (tiểu khu 13)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
17	Từ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 09 đến hết thửa đất số 55, tờ bản đồ số 08 (tiểu khu 13)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
18	Từ thửa đất số 84, tờ bản đồ số 16 đến hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 15 (tiểu khu 12)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
19	Từ thửa đất số 171, tờ bản đồ số 16 đến hết thửa đất số 96, tờ bản đồ số 11 (tiểu khu 11)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
20	Từ thửa đất số 254, tờ bản đồ số 16 đến hết thửa đất số 24, tờ bản đồ số 21 (tiểu khu 11)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
21	Từ thửa đất số 108, tờ bản đồ số 20 đến hết thửa đất số 07, tờ bản đồ số 24 (tiểu khu 8)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
22	Từ thửa đất số 345, tờ bản đồ số 25 đến hết thửa đất số 428, tờ bản đồ số 25 (tiểu khu 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
23	Các tuyến đường trong khu đất đấu giá bến xe tỉnh cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
24	Từ cách ngã tư chợ Bảo Tàng 20 m đi đến cách Quốc lộ 6; 20 m (theo hướng trường Mầm non Tây Tiến)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
25	Từ thửa đất số 236, tờ bản đồ 16 đến hết thửa đất số 246, tờ bản đồ 16 (tiểu khu 12)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
26	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5 m trở xuống	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
27	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5 m	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
28	Tuyến đường nội thị thuộc quy hoạch khu dân cư và hồ sinh thái tiểu khu 2	1,2	1,1	1,0	1,0	1,0	
A2	Thị trấn Nông trường Mộc Châu						
I	Đường Lê Thanh Nghị						
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 mới đến đường rẽ tiểu khu 32 (theo Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
2	Từ đường rẽ tiểu khu 32 đến hết tường rào Khách sạn Công đoàn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ tường rào Khách sạn Công đoàn đến đường phụ vào Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ đường phụ vào Bệnh viện Đa khoa Thảo Nguyên đến hết đất cây xăng Km 70	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ hết đất cây xăng km 70 đến ngã ba vào Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Đường nối với đường Lê Thanh Nghị						
1	Từ ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp khu vực Thảo Nguyên ngoài phạm vi 100 m đến cầu tiểu khu 32	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ Quốc lộ 43 theo đường rẽ vào Khách sạn Công đoàn đến hết tường rào Khách sạn Công Đoàn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
III	Đường Thảo Nguyên						
1	Từ ngã ba rẽ vào Tân Lập đến cột Km 194 (theo Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ cột Km 194 (theo Quốc lộ 43) đến đường rẽ vào Xưởng vi sinh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ đường rẽ vào Xưởng vi sinh đến ngã ba vào tiểu khu Tiên Tiến (hết đất Chè Đen II)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba Km 64 ngoài phạm vi 100 m đến lối rẽ vào tiểu khu Tiên Tiến (hướng đi Sơn La)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
IV	Đường 19 - 8						
-	Từ ngã ba đường rẽ vào trường Mầm non Hòa Mi đến Đài Bay	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Phố Lò Văn Giá						
1	Từ ngã ba Quỹ tín dụng thị trấn Nông trường Mộc Châu ngoài phạm vi 20 m đến hết đất Xưởng chế biến thức ăn gia súc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất Xưởng chế biến thức ăn gia súc đến ngã tư tiểu khu Tiên Tiến	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Phố Kim Liên						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
1	Từ ngã ba Công an 70 ngoài phạm vi 20 m đến hết đất UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu (theo đường Kim Liên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất UBND thị trấn Nông trường Mộc Châu đến ngã ba Nhà máy sữa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã 3 Nhà máy sữa đến cổng Nhà máy sữa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã 3 Nhà máy sữa đến Bia tưởng niệm, tiểu khu 19/5	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Đường Hoàng Quốc Việt						
1	Từ ngã ba Quốc lộ 6 mới đến điểm tiếp giáp với đất của Resort Thảo Nguyên (theo hướng đi Hà Nội)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ giáp đất Resort Thảo Nguyên đến trung tâm ngã tư Bó Bun	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ trung tâm ngã tư Bó Bun đến hết thửa đất ông Diệp Huệ (hướng đi Hà Nội)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ hết thửa đất nhà ông Diệp Huệ (theo hướng đi Hà Nội) đến hết thửa đất nhà ông Sinh Nghị (cửa Hang Đá)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ hết thửa đất nhà ông Sinh Nghị (Cửa Hang Đá) đến trung tâm ngã tư tiểu khu 70	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ trung tâm ngã tư tiểu khu 70 đến hết thửa đất nhà ông Tuyến Thái (theo hướng đi Hà Nội)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ thửa đất nhà ông Tuyến Thái (tiểu khu 70) đến giáp đất xã Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VIII	Đường nối với đường Hoàng Quốc Việt						
-	Từ đường Quốc lộ 6 cũ đến cách Quốc lộ 6 mới (ngã tư Kho Muối) 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20 m đến hết thửa đất nhà Cường The (cổng chính Khách sạn Mường Thanh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
IX	Đường Tiên Tiến						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
1	Từ ngã tư tiểu khu Tiền Tiến đến Quốc lộ 43	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã tư tiểu khu Tiền Tiến đến Quốc Lộ 6	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
X	Đường Tỉnh lộ 104						
-	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Tân Lập đến hết khu đất quy hoạch hồ 70, tiểu khu Cơ quan (hết thửa đất số 37, tờ bản đồ số 31)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XI	Các đường nối với đường Tỉnh lộ 104						
1	Từ đường rẽ trạm biến áp 110 Kv đến cách ngã ba tiểu khu Pa Khen 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ trung tâm ngã ba tiểu khu Pa Khen theo hướng đi thị trấn Nông trường Mộc Châu 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ trung tâm ngã ba tiểu khu Pa Khen đi đến hết Nhà văn hóa tiểu khu Pa Khen (theo hướng đi xã Tân Lập)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ trung tâm ngã ba tiểu khu Pa Khen đi đến hết thửa đất nhà bà Tích (theo hướng đi tiểu khu Tà Loọng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ ngã ba tiểu khu Pa Khen (tính từ Nhà văn hóa Pa Khen) đến giáp đất của xã Tân Lập (đường Nà Ka)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XII	Phố Tô Vĩnh Diện						
1	Từ ngã ba Xưởng chế biến thức ăn gia súc đến cách Quốc lộ 6; 20 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã 3 tiểu khu 70 (Nhà văn hóa) đến ngã ba tiểu khu 32 (hết đất nhà Chinh Chát)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIII	Đường Thảo Nguyên đi hướng đường Tỉnh lộ 101						
-	Từ trung tâm ngã ba Km 64 đi các hướng 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIV	Đường 14 - 6						
1	Từ đường Quốc lộ 43 đến Xưởng chè Vân Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
2	Từ ngã tư đường rẽ vào Xưởng chè Vân Sơn theo hướng đi tiểu khu Hoa Ban đến ngã ba đường tỉnh lộ 101B (cách 20 m)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XV	Tiểu khu 70						
-	Từ ngã tư tiểu khu 70 ngoài phạm vi 20 m đến cách Quốc lộ 6; 20 m đi theo hướng nhà trẻ cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XVI	Tiểu khu Bản Ôn						
1	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m hướng đi đồi chè Trái tim đến ngã ba tiểu khu Bản Ôn (nhà Dân Mát)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba tiểu khu Bản Ôn (nhà Dân Mát) đến hết đất nhà Liên Vân (hướng đi tiểu khu Pa Khen 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba tiểu khu Bản Ôn (nhà Dân Mát) đến hết đất tiểu khu Bản Ôn (qua Nhà văn hóa tiểu khu Bản Ôn)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba ngoài phạm vi 20 m (đường rẽ tiểu khu Pa Hía) đến hết khu dân cư tiểu khu Pa Hía	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XVII	Tiểu khu Tiên Tiến						
-	Từ ngã tư tiểu khu Tiên Tiến ngoài phạm vi 20 m (cổng chào) đến hết đất Nhà văn hóa tiểu khu Tiên Tiến	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XVIII	Tiểu khu 84/85						
-	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m đến Ngũ Động (Bản Ôn)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIX	Các tuyến đường nội thị khác						
1	Từ ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp khu vực Thảo Nguyên đi 100 m theo hướng Bệnh viện cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã tư Bó Bun phạm vi 100 m theo đường ngang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ trung tâm ngã tư tiểu khu 70 đi phạm vi 100 m theo hai hướng đường ngang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba tiểu khu Tiên Tiến (tính từ thửa 54 tờ bản đồ 63) đến hết (thửa đất số 47 tờ bản đồ số 77) nhà Hoa Chuẩn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
5	Từ ngã 3 nhà Sang Toàn (tiểu khu 32) đến ngã 3 tiểu khu 32 (nhà Chinh + Chát)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ ngã ba tiểu khu 32 (nhà Chinh + Chát) đến cách ngã tư Bó Bun 20 m (theo hướng ra Quốc lộ 6)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ ngã tư Kho Muối phạm vi 100 m theo hai hướng đường ngang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Từ ngã ba Km 64 ngoài phạm vi 100 m theo hướng tỉnh lộ 101B đến giáp đất Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Từ ngã ba Km 64 ngoài phạm vi 100 m theo hướng Quốc lộ 43 đến giáp đất xã Phiêng Luông	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Các tuyến đường nội thị thuộc quy hoạch hồ 70	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Từ Nhà văn hóa tiểu khu 40 ngoài phạm vi 20 m đến cách Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m (theo đường bê tông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
12	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m đến hết đất Nhà văn hoá tiểu khu Khí tượng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
13	Từ ngã 3 Tân Cương (Tỉnh lộ 104) đi tiểu khu 26/7 và tiểu khu 67 đến cách Quốc lộ 43 (tiểu khu 67) 20 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
14	Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20 m đến Nhà văn hoá tiểu khu Vườn Đào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
15	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m theo hướng vào tiểu khu 19/5 đến Bia tưởng niệm nơi Bác Hồ về thăm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
16	Từ ngã 4 tiểu khu 70 (Quốc lộ 6) ngoài phạm vi 20 m theo hướng đi tiểu khu Vườn Đào đến ngã 3 đường rẽ tiểu khu Vườn Đào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
17	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m (quán Lầu dê 68) theo hướng vào tiểu khu 26/7 đến ngã ba đường nối từ tiểu khu 26/7 đi tiểu khu 67	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
18	Từ ngã tư Bó Bun phạm vi ngoài 100 m theo đường ngang đến hết đất Ban Quản lý khu Du lịch Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
19	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 40 m đến hết đất Nhà văn hoá tiểu khu 69	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
20	Từ ngã 3 trường Tiểu học 15/10 đến cách 20 m tiếp giáp với đường Lò Văn Giá	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
21	Khu đất đấu giá tiểu khu 77, thị trấn Nông trường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
22	Từ đường Lò Văn Giá (trường THPT Thảo nguyên) ra đến Quốc lộ 6	1,3	1,3	1,3	1,3	1,3	
23	Từ ngã ba tiểu khu Chiềng Đi (tính từ thửa số 48, tờ bản đồ 77) đến hết thửa đất số 37, tờ bản đồ 10 (nhà Cúc Thắng), hướng đi tiểu khu Chiềng Đi.	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
24	Các đoạn đường khác có độ rộng từ 3,5 m trở xuống	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
25	Các đoạn đường khác có độ rộng trên 3,5 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
26	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20 m đến hết đất nhà Thực Mai, tiểu khu Nhà nghỉ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
27	Từ đường Tỉnh lộ 104 ngoài phạm vi 20 m đến công Trạm Ra đa, tiểu khu 84/85	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN						
I	Đường Tỉnh lộ 102 (đường từ Quốc lộ 43 đi vào Trung tâm cụm xã Chiềng Sơn)						
1	Từ Quốc lộ 43 đến hết đất trạm Y tế xã	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất trạm Y tế xã đến giáp công trường Tiểu học Chiềng Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ công trường Tiểu học Chiềng Sơn đến qua cổng trụ sở CTCP Chè Chiềng Ve + 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ cổng trụ sở CTCP Chè Chiềng Ve + 100 m đến đường rẽ vào Xưởng Chè + 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ đường rẽ vào Xưởng Chè + 100 m đến hết địa giới xã Chiềng Sơn hướng đi xã Chiềng Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ ngã ba Trung tâm xã đi Nậm Dên ngoài phạm vi 20 m đến cầu tiểu khu 2/9	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20 m đến đất Công ty Chè Chiềng Ve	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
8	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20 m đến đất nhà Thỏa Thiềng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20 m đến đất nhà Minh + Đức (tiểu khu 4)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Từ đường Tỉnh lộ 102 ngoài phạm vi 20 m đến đất nhà bà Hoàng Thị Đào (tiểu khu 2)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Quốc lộ 6						
1	Từ giáp địa phận thị trấn Mộc Châu đến cách đường rẽ xuống trạm Y tế xã Chiềng Hắc 50 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ cách đường rẽ xuống trạm Y tế xã Chiềng Hắc 50 m đi phạm vi 200 m đến hết cây xăng Quân Nam	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết cây xăng Quân Nam đến đầu khu dân cư bản Ta Niết (Km 250 + 480)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ đầu khu dân cư bản Ta Niết (Km 250 + 480) đến đường rẽ đập thủy điện Tà Niết	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ đường rẽ đập thủy điện Tà Niết đến cầu Ta Niết (khu nghĩa địa bản Ta Niết)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ cầu Ta Niết (khu nghĩa địa bản Ta Niết) đến hết địa phận huyện Mộc Châu (giáp ranh đất Yên Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
III	Quốc lộ 43 từ bản Muống Phiêng Luông đến Bến phà Vạn Yên						
1	Từ cầu bản Muống đến đập tràn bản Suối Khem + 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ đập tràn bản Suối Khem + 100 m đến Km số 9 xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ giáp đất huyện Vân Hồ đến cách khu đất Quy hoạch UBND xã Hua Phăng 600 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ khu đất Quy hoạch UBND xã Hua Phăng về hai hướng 600 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ khu đất Quy hoạch UBND xã Hua Phăng + 600 m đến km 46 + 800 theo Quốc lộ 43 (bản Thống Nhất xã Nà Muồng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
6	Từ Km 46 + 800 theo Quốc lộ 43 đến Nhà văn hóa bản Đoàn Kết	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ Nhà văn hóa bản Đoàn Kết đến hết đất nhà Ông Thoan Bích (bản Đoàn Kết)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Từ hết đất nhà ông Thoan Bích (bản Đoàn Kết) theo Quốc lộ 43 đến hết đất nhà ông Mùi Văn Hòa (bản Kè Tèo)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Từ hết đất nhà ông Mùi Văn Hòa (bản Kè Tèo) đến hết Bến phà Vạn Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Từ ngã ba Quốc lộ 43 hướng đi xã Tà Lại + 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Từ hướng đi xã Tà Lại + 100 m đến đường rẽ vào UBND xã Tà Lại + 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
IV	Quốc lộ 43 đoạn từ giáp đất thị trấn Mộc Châu đến Trụ sở xã Lóng Sập						
1	Từ hết đất thị trấn Mộc Châu + 300 m (theo Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ giáp đất Thị trấn Mộc Châu ngoài phạm vi 300 m đến cầu Nà Bó	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ cầu Nà Bó đến cầu Nà Ngà	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ cầu Nà Ngà đến đường rẽ đi Chiềng Khừa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ đường rẽ đi Chiềng Khừa đến đường rẽ xuống thác Dải Yếm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ đường rẽ xuống thác Dải Yếm đến cầu Sò Lườn + 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ Cầu Sò Lườn + 500 m đến hết đất xã Chiềng Sơn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Từ hết đất xã Chiềng Sơn đến hết địa phận xã Lóng Sập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Đường ranh giới xã Đông Sang đi rừng thông Bản Áng						
1	Từ hết đất Thị trấn Mộc Châu đi rừng thông Bản Áng đến ngã ba rẽ vào rừng thông	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
2	Từ ngã ba rừng thông đi vào rừng thông Bản Áng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba đường rẽ đi rừng thông đến cây đa bản Áng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ nhà văn hóa Bản Búa đi công Công ty TaKii	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Các tuyến đường tại các xã						
1	Xã Mường Sang						
-	Từ Quốc lộ 43 theo đường vào bản An Thái đến hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 09	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Quốc lộ 43 đường rẽ đi Chiềng Khừa phạm vi ngoài 40 m đến hết đất xã Mường Sang	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ đầu cầu Nà Ngà, Quốc lộ 43 rẽ vào Nghĩa trang nhân dân huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ quốc lộ 43 phạm vi ngoài 40 m đến ngã ba chùa Vật Hồng (bản Vật)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Quốc lộ 43 theo đường vào bản Thái Hưng đến hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 65	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 40 m đến đường vào Nhà văn hóa bản Sò Lườn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Xã Đông Sang						
-	Từ ngã ba tiểu khu 34 theo đường vào Trung tâm Giáo dục lao động	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba Nhà văn hóa bản Búa đến ngã tư đường rẽ trường THCS	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba sân vận động xã đến bản Búa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Xã Chiềng Hắc						
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40 m theo đường lên bản Tà Sồ đến hết đất nhà ông Vi Văn Nút	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40 m theo đường đi trạm Y tế xã đến hết đất nhà ông Hà Văn Châm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40 m theo đường đi vào trường cấp 2 Chiềng Hắc đến hết đất Trụ sở UBND xã Chiềng Hắc (Trụ sở mới)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
-	Từ đường Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 40 m theo đường lên bản Ta Niết đến đất Ao bản Ta Niết trên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Xã Tân Hợp						
-	Từ công trụ sở UBND xã theo đường liên xã đến bản Cà Đặc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ công trụ sở UBND xã Tân Hợp theo đường liên xã đến giáp đất bản Dọi, xã Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Nà Sánh theo đường liên bản đến bản Sao Tua	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba bản Nà Sánh theo đường liên bản đến bản Suối Sáy	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Xã Chiềng Khừa						
-	Từ giáp đất xã Mường Sang theo đường vào trung tâm xã đến đất nhà ông Canh bản Phách	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ nhà ông Canh bản Phách đến hết đất xã Chiềng Khừa (giáp bản Bó Hin, xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Xã Nà Mường						
-	Từ ngã ba đường đi xã Quy Hương đến cầu cứng bản Kè Tèo	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ cầu cứng bản Kè Tèo đến hết địa phận xã Nà Mường	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Xã Quy Hương						
-	Từ Quốc lộ 43 bản Cà Tèo xã Quy Hương đến trung tâm xã Quy Hương	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ trung tâm xã đến bản Đồng Giảng, bản Suối Cáu, Bó Hoi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Xã Tà Lại						
-	Từ đường rẽ vào UBND xã Tà Lại + 200 m đến ngã ba bản Tà Lọt + 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Xã Hua Păng						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
-	Tuyến đường liên bản Nà Bó I đến Nà Bó II (Quốc lộ 43)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Tuyến đường liên xã Quốc lộ 43 xã Hua Păng đi bản Dao xa Tô Múa huyện Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Xã Tân Lập						
-	Từ hết đất thị trấn Nông trường Mộc Châu theo hướng đi Tân Lập đến lối rẽ vào trường THCS Tân Lập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba tiểu khu 9 đi hết đất bản Tà Phình	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba tiểu khu 12 đi hết đất bản Nậm Khao (giáp đất Bắc Yên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba đường rẽ vào trường THCS Tân Lập đi hết đất Bản Dọi (giáp đất xã Tân Hợp)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
-	Từ ngã ba Bản Hoa đi hết đất bản Nậm Tôm (giáp đất thị trấn Nông trường Mộc Châu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VIII	Đất ở nông thôn còn lại trên địa bàn huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

Phụ lục số 10
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN VÂN HỒ

(Kèm theo Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
A	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN						
I	Quốc lộ 6 hướng đi Sơn La						
1	Từ giáp địa phận tỉnh Hoà Bình theo hướng đi Sơn La đến cách ngã ba đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu 200 m (Km 154 + 80 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
2	Trong phạm vi ngã ba đường đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu theo hai hướng 200 m (từ Km 154 + 80 đến Km 154 + 480 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
3	Từ cách ngã ba đường đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu 200 m đến đầu khu dân cư bản Co Chàm (từ Km 154 + 480 m đến Km 155 + 400 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
4	Từ khu dân cư bản Co Chàm đến đường rẽ vào bản Co Tang (từ Km 155 + 400 đến Km 157 + 950 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
5	Từ đường rẽ vào bản Co Tang đến cách cổng trụ sở UBND xã Lóng Luông 500 m (từ Km 157 + 950 m đến Km 159 + 600 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
6	Từ cổng trụ sở UBND xã Lóng Luông đi hai hướng 500 m (từ Km 159 + 600 m đến Km 160 + 600 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
7	Cách cổng trụ sở UBND xã Lóng Luông 500 m đến cách ngã ba QL6; 300 m bản Lóng Luông (từ Km 160 + 600 m đến Km 163 + 800 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
8	Ngã ba Quốc lộ 6 bản Lóng Luông theo hai hướng 300 m (từ Km 163 + 800 m đến Km 164 + 400 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
9	Từ cách ngã ba Quốc lộ 6 bản Lóng Luông 300 m đến nhà ông Tráng A Sênh (từ Km 164 + 400 m đến Km 170 + 400 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
10	Từ nhà ông Tráng A Sênh đến hết khu dân cư bản Bó Nhàng 1 (từ Km 170 + 400 m đến Km 173 + 400 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
11	Từ hết đất khu dân cư bản Bó Nhàng 1 đến đường rẽ vào bản Chiềng Đi I (từ Km 173 + 400 m đến Km 176 + 800 m)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
12	Từ đường rẽ vào bản Chiềng Đì I (Km 176 + 800) đến hết địa giới hành chính huyện Vân Hồ	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
II	Quốc Lộ 6 hướng đi xã Pà Cò, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình						
-	Từ ngã ba Quốc lộ 6 (bản Co Chàm, xã Lóng Luông) đến hết địa giới hành chính xã Lóng Luông, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
III	Quốc lộ 43						
-	Từ địa giới hành chính giáp với xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu đến địa giới hành chính giáp với xã Hua Păng, huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
IV	Tỉnh lộ 101 (từ QL 6 đến bờ sông đền Hang Miếng)						
1	Từ ngã ba Quốc Lộ 6 đến ngã ba xã Vân Hồ (nhà ông Sào Hải)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
2	Từ ngã ba (nhà ông Mùi Văn Hải) đến hết đất Nhà máy IC Food + 300 m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
3	Từ hết đất nhà máy IC Food + 300 m đến chân dốc cách cây xăng Chiềng Khoa 100 m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
4	Từ qua chân dốc cách cây xăng Chiềng Khoa 100 m đi qua Trụ sở UBND xã Chiềng Khoa 100 m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
5	Từ cách Trụ sở UBND xã Chiềng Khoa 100 m đến đỉnh dốc 3 tầng (biển Pano tuyên truyền về môi trường)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
6	Từ đỉnh dốc 3 tầng (biển Pano tuyên truyền về môi trường) đến đường rẽ vào trường Mầm non Tô Múa	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
7	Từ đường rẽ vào trường Mầm non Tô Múa đến cách đường vào trụ sở UBND xã Mường Tè 500m	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	
8	Từ cách đường vào trụ sở UBND xã Mường Tè 500 m đi đến trụ sở UBND xã Quang Minh + 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Từ trụ sở UBND xã Quang Minh + 500 m đến bờ sông đền Hang Miếng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Tỉnh lộ 101 (từ giáp đất thị trấn Nông trường Mộc Châu theo đường Quốc lộ 6 cũ đến ngã ba bản Lóng Luông)						
1	Từ giáp đất Thị trấn Nông trường huyện Mộc Châu đến cách ngã ba đường 31,5 m; 100 m (khu cây đa)	1,2	1,2	1,2	1,2	1,2	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
2	Ngã ba đường 31,5 m trong phạm vi 100 m đi hai hướng (khu cây đa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba đường 31,5 m + 100 m đến đường lên cột phát sóng truyền hình	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ đường lên cột phát sóng truyền hình đến đường rẽ lên trụ sở UBND huyện cũ + 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ đường rẽ lên trụ sở UBND huyện cũ đến QL 6 (bản Lóng Luông)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Tỉnh lộ 101 (Quốc lộ 43 đi trung tâm xã Chiềng Khoa)						
1	Từ Quốc lộ 43 đến hết đất Nhà máy chế biến nông sản Sơn Hà	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất Nhà máy chế biến nông sản Sơn Hà đến ngã ba bản Mường Khoa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Từ tỉnh lộ 101 đến trung tâm xã Suối Bàng						
1	Từ đường tỉnh lộ 101 đến hết đất Nhà máy chè Tô Múa	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết đất Nhà máy chè Tô Múa đến hết đất khu dân cư bản Liên Hưng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ hết đất khu dân cư bản Liên Hưng xã Tô Múa đến cách cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng về 2 hướng 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ cách cổng trụ sở UBND xã Suối Bàng 500 m đến hết đường bê tông (ra Bến Lồi)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VIII	Tỉnh lộ 101 (đi xã Liên Hòa)						
1	Từ ngã ba bản Bó Mòng đến cách ngã ba trụ sở UBND xã Song Khủa 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba trụ sở UBND xã Song Khủa về ba hướng 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ cách ngã ba trụ sở UBND xã Song Khủa 500 m đến cách đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Trong phạm vi đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa về hai hướng 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ cách đường lên trụ sở UBND xã Liên Hòa 500 m đến hết đường bê tông đi bản Tường Liên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
IX	Tỉnh lộ 101 (đi xã Mường Men)						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
1	Từ ngã ba đường đi xã Mường Men đến ngã ba đi bản Chiềng Khồng	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã ba đi bản Chiềng Khồng đến cách đường lên trụ sở UBND xã Mường Men 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ đường lên trụ sở UBND xã Mường Men đi hai hướng 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
X	Tỉnh lộ 102 (đi xã Chiềng Xuân)						
1	Từ ngã tư bản Bó Nhàng, xã Vân Hồ (QL6) theo hướng đi xã Xuân Nha đến hết khu dân cư bản Bó Nhàng II (chân dốc đá)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ hết khu dân cư bản Bó Nhàng II (chân dốc đá) đến cách đường lên trụ sở UBND xã Xuân Nha 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ cách đường lên trụ sở UBND xã Xuân Nha 500 m đến cách ngã ba bản Nà Hiềng 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Trong phạm vi ngã ba bản Nà Hiềng đi 3 hướng 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ cách ngã ba bản Nà Hiềng 200 m đến giáp đất trường Trung học và Tiểu học Chiềng Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ trường Trung học và Tiểu học xã Chiềng Xuân đến đầu cầu bản Suối Quanh	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ đầu cầu Suối Quanh đến giáp đất xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XI	Tỉnh lộ 102 (đi xã Tân Xuân)						
1	Từ cách ngã ba bản Nà Hiềng 200 m đến đường lên trụ sở cũ UBND xã Xuân Nha	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ đường lên trụ sở cũ UBND xã Xuân Nha đến ngã ba đường rẽ vào Bản Tụn - Pù Lầu	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ ngã ba đường rẽ vào Bản Tụn - Pù Lầu đến ngã ba đường rẽ vào bản Đông Tà Lào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba đường rẽ vào bản Đông Tà Lào đến ngã ba gần cầu Tân Xuân	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ ngã ba gần cầu Tân Xuân đến ngã ba đường rẽ vào bản Tây Tà Lào	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ ngã ba gần cầu Tân Xuân đến qua đường lên trụ sở UBND xã Tân Xuân 500 m (đường đi bản Cột Mốc)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
7	Từ qua đường lên trụ sở UBND xã Tân Xuân 500 m đến hết đường bê tông bản Cột Mốc	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIII	Tỉnh lộ 102: Từ ngã ba Pa Cốp đi bản Lũng Xá Tà Dê đến hết địa giới hành chính huyện Vân Hồ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIII	Xã Chiềng Yên						
1	Từ Quốc lộ 6 mới đến đường Quốc lộ 6 cũ (qua bản Nà Bai)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Trong phạm vi ngã ba trường Trung học và Tiểu học xã Chiềng Yên về 2 hướng 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ cổng trụ sở UBND xã Chiềng Yên về 2 hướng 300 m (trung tâm xã Chiềng Yên)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Các đoạn đường khác thuộc Quốc lộ 6 cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đường du lịch xã Chiềng Yên (đi bản Phụ Mẫu)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Đường tái cơ cấu: Từ Quốc lộ 6 cũ (bản Bồng Hà) đến tỉnh lộ 101 (xã Quang Minh)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIV	Đường trong khu Trung tâm Hành chính - chính trị huyện Vân Hồ (thuộc quy hoạch chung tỷ lệ 1/2.000 không bao gồm các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ)						
1	Đường đôi 31,5 m	1,3	1,3	1,3			
2	Đường 23,5 m	1,3	1,3	1,3			
3	Đường 16,5 m	1,3	1,3	1,3			
4	Đường 13,5 m	1,3	1,3	1,3			
5	Đường 11,5 m và đường 9,5 m	1,3	1,3	1,3			
6	Các tuyến đường hiện trạng còn lại	1,3	1,3	1,3	1,3	1,3	
XV	Các loại đường khác còn lại đã được cứng hóa lớn hơn 3 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XVI	Đất ở nông thôn thuộc các tuyến đường còn lại	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

Phụ lục số 11
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN BẮC YÊN
(Kèm theo Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ						
I	Đường 99						
1	Từ ngã ba Viện Kiểm sát đi đến hết đất Công an huyện	1,5	1,0	1,0	1,0		
2	Từ hết đất Công an huyện đến hết đất nhà ông Công Dung	1,3	1,0	1,0	1,0		
3	Từ hết đất nhà ông Công Dung đến hết đất viên thông	1,2	1,0	1,0	1,0		
4	Từ hết đất Viên thông đến suối Trắm	1,2	1,0	1,0	1,0		
5	Từ suối Trắm đến hết đất Hạt 2/37 giao thông	1,0	1,0	1,0	1,0		
6	Từ hết đất Hạt 2/37 giao thông đến suối Bạ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ ngã ba Viện Kiểm sát đến ngã ba đường đi xã Hồng Ngải	1,5	1,0	1,0	1,0		
8	Từ ngã ba đi Hồng Ngải đến hết đất nhà ông Phén	1,0	1,0	1,0	1,0		
9	Từ hết đất nhà ông Phén đến Suối Bẹ	1,0	1,0	1,0	1,0		
II	Phố A Phủ						
1	Từ ngã ba Thương nghiệp đến ngã ba Đồi nghĩa trang liệt sỹ	1,2	1,0	1,0	1,0		
III	Đường Phạm Ngũ Lão						
1	Từ ngã ba đường lên UBND huyện đến đất Trung tâm Chính trị (cũ)	1,2	1,0	1,0	1,0		
2	Từ đất nhà ông Dũng (Sở) đến hết đất nhà ông Đăng	1,3	1,0	1,0	1,0		
IV	Đường Tà Xùa						
1	Từ Viện Kiểm sát đến ngã ba đường rẽ đi Trung tâm Y tế (Tỉnh lộ 112)	1,0	1,0	1,0	1,0		
2	Từ ngã ba đường rẽ đi Trung tâm Y tế (Tỉnh lộ 112) đến cua tay áo cách bề nước 50 m	1,5	1,0	1,0	1,0		
3	Từ hết cua tay áo cách bề nước 50 m đến Suối Ban (Tỉnh lộ 112)	1,5	1,0	1,0	1,0		
V	Phố 1 - 5						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
-	Từ ngã tư Phòng Giáo dục đến hết đất sân bóng trường THCS Lý Tự Trọng cũ	1,5	1,0	1,0	1,0		
VI	Đường 20/10						
1	Từ nhà ông Hôm đến nhà ông Sơn Liên	1,5	1,0	1,0			
2	Từ ngã ba đường rẽ Huyện đội (đường vành đai) đến đường vào Bệnh viện mới	1,5	1,0	1,0	1,0		
3	Từ đường vào Bệnh viện mới đến ngã ba đường vào khu nhà ông Nhung	1,5	1,0				
4	Từ ngã ba đường vào khu nhà Ông Nhung (đường vành đai) đến ngã ba tiếp nối đoạn Quốc lộ 37	1,5	1,0	1,0	1,0		
5	Từ ngã ba Bến xe khách đến đất Huyện đội	1,5	1,0	1,0	1,0		
VII	Đường 3 - 2						
1	Từ ngã ba giáp đất nhà ông Dũng đến ngã tư cổng Phòng Giáo dục và Đào tạo	1,0	1,0	1,0	1,0		
VIII	Các tuyến đường khác						
1	Từ nhà ông Nhung đến ngã ba nhà ông Hạc đường vành đai hồ 2, 3	1,7	1,0	1,0			
2	Đoạn từ Quốc lộ 37 đến hết đất Trung tâm Giáo dục lao động cũ	1,2	1,0	1,0	1,0		
3	Đoạn từ Quốc lộ 37 đến hết đất Trung tâm Giáo dục thường xuyên + 200 m	1,1	1,0	1,0	1,0		
4	Từ ngã ba đường rẽ đi Trung tâm Y tế (Tỉnh lộ 112) đến hết đường bê tông nối Quốc lộ 37	1,0	1,0	1,0	1,0		
5	Từ hết đất Trại Khuyến nông cũ đi đến hết xóm Lâm Đồng thuộc tiểu khu 1	1,2	1,0	1,0	1,0		
6	Đường bê tông từ cổng chợ thương mại đến hết nhà Bà Dung	1,0	1,0	1,0			
7	Đoạn đường bê tông từ hết đất nhà bà Dung đến trạm biến áp	1,0	1,0	1,0	1,0		
8	Từ ngã ba Hồng Ngải đến bãi đá Tổ hợp 20/10	1,0	1,0	1,0			
9	Từ ngã ba đường vành đai ngã ba vào Bệnh viện mới + 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0		
10	Từ đường A Phủ đi khu thể thao Trung tâm Văn hóa huyện đường bê tông	1,2	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
11	Đường từ Tân Bắc Đa đến Quốc lộ 37	1,0	1,0	1,0			
12	Từ tỉnh lộ 112 đến xưởng mộc ông Thề (đường bê tông) Tiểu khu 2	1,0	1,0	1,0			
13	Các nhánh đường khác xe con vào được	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
14	Các nhánh đường khác xe con không vào được	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN						
I	Tuyến dọc Quốc lộ 37						
1	Từ suối Bẹ đến hết bản Cao Đa I	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ Cung giao thông cũ đến hết đất trường Tiểu học xã Song Pe	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ Cung giao thông giáp đất trường Tiểu học xã Song Pe đến trụ sở UBND xã Song Pe	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ trụ sở UBND xã Song Pe đến hết đất cây xăng	1,8	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ hết đất cây xăng đến cách cầu Tạ Khoa 50 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ cầu Tạ Khoa + 50 m đến cưa Pom Đồn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
7	Từ hết đất công sở mỏ Nikel đến cầu suối Pót	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
8	Từ cầu suối Pót đến nhà văn hóa bản Chẹn + 500 m	1,2	1,0	1,0	1,0	1,0	
9	Từ suối Bạ đi hết đất Trụ sở xã Phiêng Ban + 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
10	Từ hết đất Trụ sở xã Phiêng Ban + 200 m đi hết đất nhà xây ông Lữ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
11	Từ hết đất nhà xây ông Lữ đi đến Cung bản Tân Ban	1,0	1,0				
12	Từ Cung bản Tân Ban đến Cầu Suối Sập	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
13	Đoạn đường vào UBND xã Tà Xùa đi về thị trấn theo hướng đường Tỉnh lộ 112 dài 300 m	2,0	1,0	1,0	1,0		
14	Đoạn đường từ suối Ban dọc theo tỉnh lộ 112 đến đường vào UBND xã Tà Xùa	1,0	1,0	1,0	1,0		
15	Các vị trí còn lại dọc Quốc lộ 37	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
II	Tỉnh lộ 112 xã Tà Xùa						
1	Đoạn từ Công chợ đến nhà ông Trịnh Xuân Lộc theo tỉnh lộ 112 dài 400 m	2,5	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
2	Đoạn từ nhà ông Trịnh Xuân Lộc ngã ba tỉnh Lộ 112 - Háng Đồng dài 800 m	2,5	1,0	1,0			
3	Đoạn tiếp giáp ngã ba tỉnh lộ 112 - Háng Đồng, theo tỉnh lộ 112 đi về phía xã Làng Chếu 300 m	2,0	1,0	1,0			
4	Đoạn từ Cửa gió xã Tà Xùa đến nhà ông Phong dài 500 m	1,8	1,0	1,0			
5	Đoạn từ nhà ông Phong đến Cua bể nước đầu nguồn Suối Cao thuộc bản Cáo A xã Làng Chếu dài 500 m	1,8	1,0	1,0			
6	Đoạn từ cổng Chợ đến giáp đất UBND xã Tà Xùa	2,5	1,0	1,0			
7	Đường bê tông từ UBND xã Tà Xùa đến nhà ông San	1,7	1,0	1,0			
8	Đoạn từ tiếp giáp tỉnh lộ 112 (khu xã) theo đường bê tông đến bản Tà Xùa C dài 800 m	2,0	1,0	1,0			
9	Đoạn từ giáp đất UBND xã Tà Xùa đến đường nối 112 Tà Xùa C đường bê tông (đường vành đai)	2,2	1,0	1,0			
10	Đoạn từ đường 112 ngã ba rẽ Khe Cải đi lên bản Tà Xùa A (đường bê tông) đến ngã ba đi về hai hướng mỗi hướng 50 m	2,0	1,0	1,0			
11	Đoạn từ ngã ba 112 đi hướng xã Háng Đồng dài 400 m	2,0	1,0	1,0			
12	Đoạn từ hết đất bản Tà Xùa A đi hết địa phận xã Tà Xùa theo đường Tà Xùa - Háng Đồng	2,0	1,0	1,0			
III	Xã Hồng Ngài						
1	Đoạn từ Cầu Hồng Ngài 2 đến nhà Văn Hóa bản Hồng Ngài	1,1	1,0	1,0			
2	Đoạn từ Cầu Hồng Ngài 2 đến ngã ba hướng đi bản Liếm Xiên dài 100 m, và hướng đi bản Mới dài 50 m	1,0	1,0	1,0			
3	Đoạn tiếp 100 m đi Liếm Xiên đường đất đến ngã ba dài 150 m	1,0	1,0	1,0			
4	Đoạn từ trung tâm trường Phổ thông Dân tộc nội trú và bán trú THCS xã Hồng Ngài đi về 2 phía 200 m	1,0	1,0	1,0			
5	Đoạn từ mỏ đá tổ hợp 20/10 đến hết bản Mới	1,0	1,0	1,0			
IV	Xã Pắc Ngà						
1	Đoạn từ cổng trụ sở UBND xã theo đường ô tô đến đường vào khu tái định cư Nong Lưom theo hướng đi bản Pắc Ngà	1,0	1,0	1,0			
2	Đoạn từ đường vào khu tái định cư Nong Lưom đến hết nhà ông Minh qua bản Pắc Ngà	1,0	1,0	1,0	1,0		

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
3	Đoạn từ bản Bước đi qua khu tái định cư Nong Lưom	1,0					
4	Đoạn từ cổng UBND xã đến hết bản Bước theo đường đi Mường La - Bắc Yên	1,0	1,0	1,0	1,0		
5	Đoạn từ bản Bước đến hết bản Nà Sài theo đường đi Mường La - Bắc Yên	1,0	1,0	1,0	1,0		
6	Đoạn từ trung tâm xã đến hết bản Nong Cóc theo trục đường Bắc Yên - Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0		
7	Đoạn từ bản Nong Cóc đến hết bản Lùm Thượng A, B theo trục đường Bắc Yên - Mường La	1,0	1,0	1,0	1,0		
V	Xã Chim Vàn						
1	Từ cổng trụ sở UBND xã Chim Vàn theo đường ô tô đi 2 hướng: đi Chim Hạ, đi bản Vàn dài 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0		
2	Dọc tuyến đường còn lại đến bản Vàn	1,0	1,0	1,0			
3	Đoạn từ bản Chim Hạ đến hết bản suối Tù	1,0	1,0	1,0	1,0		
4	Đoạn từ đầu bản Chim Thượng đến hết bản Nà Phán dọc theo đường bê tông	1,0	1,0	1,0	1,0		
VI	Xã Tạ Khoa						
1	Đoạn từ cầu tràn vào trụ sở UBND xã đi về 2 phía 200 m	1,0	1,0	1,0			
2	Đoạn đường từ ngã ba suối Sắt đến hết bản Nhạn Nọc dọc theo tuyến đường ô tô Mường Khoa - Tạ Khoa	1,0	1,0	1,0			
3	Đường từ bản Co My đến hết bản Nhạn Cuông dọc theo tuyến đường ô tô Mường Khoa - Tạ Khoa	1,0	1,0	1,0			
VII	Xã Chiềng Sại						
1	Từ trước cổng trụ sở UBND xã đến hết đất Điện lực	1,0	1,0	1,0			
2	Từ cổng trường Mầm non đến hết đất khu tái định cư Tạng Tào Suối Quộc theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0			
3	Từ ngã ba đường rẽ đi bản Quế Sơn đến hết bản Co Muông theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0			
4	Đoạn từ đường rẽ lên Tượng đài nghĩa trang Liệt sỹ đến hết bản Quế Sơn theo đường Co Muông - Môm Bò	1,0	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
VIII	Xã Phiêng Côn						
1	Từ cầu bản En đến cống hộp đường đi bản Tăng	1,0	1,0	1,0			
2	Đoạn từ cống đi bản Tăng đến hết khu xưởng ngô nhà ông Biện Hòa theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0			
3	Từ cầu Bản Tăng đến hết trường tiểu học + 200 m	1,0	1,0	1,0			
4	Đoạn từ nhà ông Neo đến hết kho ngô ông Đồn bản Nhèm theo đường Sập Vạt - Chiềng Sại	1,0	1,0	1,0			
IX	Xã Háng Đồng						
1	Từ cổng trụ sở UBND xã đi về hai hướng 150 m	1,0	1,0	1,0			
2	Đoạn đường từ bản Chung Chinh đến bản Háng Đồng B	1,0	1,0	1,0			
X	Xã Làng Chếu						
1	Đoạn từ ngã ba đi Xím Vàng đến cách trụ sở UBND xã 200 m	1,0	1,0	1,0			
2	Đoạn từ Đài Truyền hình đến hết trạm Khuyến nông cũ + 200 m theo tỉnh lộ 112	1,0	1,0	1,0			
3	Đoạn từ ngã ba đi UBND đến hết bản Cáo B theo tỉnh lộ 112	1,0	1,0	1,0			
4	Các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con đi được	1,0	1,0	1,0			
5	Các vị trí khác tại các bản còn lại có đường giao thông nông thôn xe con không đi được	1,0	1,0	1,0			
6	Từ đầu bản Làng Chếu đến nhà văn hóa bản Làng Chếu	1,0	1,0	1,0			
7	Từ ngã ba đường đi bản Làng Chếu đến đường đi bản Suối Lộng	1,0	1,0	1,0			
8	Từ ngã ba đường đi bản Làng Chếu đến đường vào bản Pang Khúa	1,0	1,0	1,0			
9	Từ trường Tiểu học Làng Chếu đến trung tâm bản Trang Dưa Hang (khu 1, 2)	1,0	1,0	1,0			
10	Từ ngã ba bản Suối Vàng đến bản Chim Púa	1,0	1,0	1,0			
XI	Xã Xím Vàng						
1	Cổng trụ sở UBND xã đi về hướng đông theo tỉnh lộ 112 đến khe cây suối cuối nhà Giàng A U	1,0	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
2	Đoạn từ trụ sở UBND xã đến ngã 3 lên nhà trường Háng Chơ (Cửa Mang cũ) theo tỉnh lộ 112	1,0	1,0	1,0			
3	Từ ngã ba lên bản Háng Chơ (Cửa Mang cũ) đến ngã ba đường rẽ đi ngàm suối Thống Lý Qua Chẽ	1,0	1,0	1,0			
XII	Xã Hang Chú						
1	Từ nhà Mùa Cang Sinh đến nhà ông Giàng A Tủa (đường lên bản Pá Đông)	1,0	1,0	1,0			
2	Các bản còn lại dọc theo tỉnh lộ 112 và đường giao thông nông thôn xe con đi vào được	1,0	1,0	1,0			
XIII	Xã Hua Nhàn						
1	Từ giáp đất Mai Sơn đi về phía Bắc Yên theo Quốc lộ 37 dài 500 m	1,0	1,0	1,0	1,0		
2	Trung tâm trụ sở UBND xã đi hai hướng dài 200 m	1,0	1,0	1,0			
3	Đoạn từ đỉnh đèo Chẹn vào cách cổng trụ sở UBND xã 200 m	1,0	1,0	1,0			

Phụ lục số 12
HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ
VÀ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN HUYỆN PHÙ YÊN

(Kèm theo Quyết định số 53/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
A	ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ						
1	Công viên mừng 3/2						
1.1	Đi Bệnh viện đến hết đất ông Tăng	1,0	1,0	1,0			
1.2	Từ hết nhà ông Tăng đến hết đất Bệnh viện	1,0	1,0	1,0			
1.3	Từ hết đất Bệnh viện đến ngã tư rẽ vào Huy Bắc	1,0	1,0	1,0			
2	Đường 18/10						
2.1	Từ Công viên mừng 3/2 đến đường vào Hội trường trung tâm huyện	1,0	1,0	1,0			
2.2	Từ đường vào Hội trường trung tâm huyện đến ngã tư Truyền hình	1,0	1,0	1,0			
3	Đường Noong Bua						
3.1	Từ công viên mừng 3/2 tính từ nhà bà Hải Soái đến ngã tư đường rẽ vào Huy Bắc	1,0	1,0	1,0			
3.2	Từ ngã tư Huy Bắc (đài phun nước) đến đường vào Kim Tân (QL37)	1,0	1,0	1,0			
4	Khu đô thị công viên 2/9						
4.1	Các đường nhánh xung quanh công viên 2/9	1,1					
4.2	Các đường nhánh tiếp giáp với công viên 2/9	1,2					
5	Đường Phù Hoa						
5.1	Từ ngã tư Truyền hình đến giáp đất Công ty TNHH nhà nước một thành viên lâm nghiệp Phù Yên (QL37)	1,0	1,0	1,0			
5.2	Từ Công ty TNHH nhà nước một thành viên lâm nghiệp Phù Yên đến hết đất Cửa hàng xăng dầu (QL37)	1,0	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
5.3	Từ hết đất Cửa hàng xăng dầu đến hết đất Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng giao thông II Sơn La (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0			
5.4	Từ hết đất Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng giao thông II Sơn La đến hết đất bà Ngợi	1,0	1,0	1,0			
5.5	Từ hết đất bà Ngợi đến hết đất Trạm cấp nước Phù Yên (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0			
6	Đường Nguyễn Công Trứ						
6.1	Từ siêu thị Dũng Hằng đến cầu suối Ngọt	1,0	1,0	1,0			
6.2	Tiếp từ cầu suối Ngọt đến hết đất nhà Hùng Sai	1,0	1,0	1,0			
7	Đường Mường Tắc						
7.1	Từ ngã ba Bệnh viện đi Quang Huy đến đầu cầu suối Ngọt	1,0	1,0	1,0			
7.2	Từ cầu suối Ngọt (trại giống lúa cũ) đến giáp nhà Hùng Sai	1,0	1,0	1,0			
8	Đường Tô Vĩnh Diện						
8.1	Từ Công viên mừng 3/2 điểm từ nhà Thanh Sinh đi vào huyện đội đến hết đất nhà ông Thành Sâm	1,0	1,0	1,0			
8.2	Từ hết đất nhà Thành Sâm đến ngã tư chợ xã Huy Bắc	1,0	1,0	1,0			
9	Đường Võ Thị Sáu						
9.1	Từ đường Quốc lộ 37 đi vào Hội trường trung tâm	1,0					
9.2	Từ nhà Hùng Khuyên đi hết đất nhà ông Hồ Đăng Quang	1,0	1,0	1,0			
9.3	Từ nhà ông Hùng Khuyên đến tiếp giáp đường QL 37	1,0	1,0	1,0			
10	Đường nhánh khu chợ mới						
10.1	Từ nhà Sơn Hằng đi thẳng giáp đất nhà Vân Ninh đường vào cổng chợ	1,0	1,0	1,0			
10.2	Từ nhà Vân Ninh rẽ phải đến hết đất nhà Luân Dung	1,0	1,0	1,0			
10.3	Từ nhà Vân Ninh đi thẳng 30 m rẽ phải đến giáp đất nhà Hùng Huyền	1,0	1,0	1,0			
11	Đường Lý Tự Trọng						
11.1	Từ ngã ba Trung tâm Văn hoá huyện đến đầu cầu suối Ngọt	1,0	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
11.2	Tiếp từ cầu suối Ngọt đến hết đất nhà bà Hiền công trường THCS thị trấn cũ	1,0	1,0	1,0			
12	Đường Đinh Văn Tỷ						
-	Từ ngã tư Truyền hình đi đến hết đất nhà ông Hợi Đới	1,0	1,0	1,0			
13	Đường Vàng Lý Tả						
13.1	Từ ngã tư Truyền hình rẽ trái đến giáp trường Tiểu học thị trấn	1,0	1,0	1,0			
13.2	Từ đất trường Tiểu học Thị trấn đến suối Ngọt (hết đất ông Sỹ)	1,0	1,0	1,0			
13.3	Từ suối ngọt tiếp giáp đất ông Sỹ đến trạm cấp nước	1,0	1,0	1,0			
14	Đường nhánh tiểu khu 2						
-	Từ nhà ông Thắng Sản rẽ phải đến nhà ông Đông Mỹ	1,0	1,0	1,0			
15	Đường Hoa Ban						
-	Đường ngã ba nhà Hà Thắm Cương đến ngã tư trường Mầm non thị trấn cơ sở 1	1,0	1,0	1,0			
16	Đường Chu Văn An						
16.1	Từ ngã tư trường Mầm non Thị trấn (cơ sở 1) rẽ trái đến đường nhựa đi Huyện đội	1,0	1,0	1,0			
16.2	Từ ngã tư trường Mầm non thị trấn (Cơ sở 1) rẽ phải đến hết trường cấp I Thị trấn	1,0	1,0	1,0			
17	Đường nhánh tiểu khu 4, tiểu khu 5						
17.1	Từ trường Mầm non thị trấn cơ sở 1 đi Huyện đội 50 m rẽ trái đến hết đất Công ty Môi trường đô thị	1,0					
17.2	Từ ngã ba trụ sở Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp đi hết đất nhà bà Dung	1,0	1,0	1,0			
17.3	Từ ngã tư trường Mầm non thị trấn cơ sở 1 rẽ phải tính từ nhà bà Sắc đến hết đất nhà ông Cung tiểu khu 5 (khối 7 cũ)	1,0	1,0	1,0			
17.4	Từ ngã tư trường Mầm non thị trấn cơ sở 1 rẽ phải tính từ nhà bà Sắc đến hết đất nhà bà Hồng tiểu khu 5 (khối 8 cũ)	1,0	1,0	1,0			
17.5	Từ ngã tư trường mầm non thị trấn cơ sở 1 đi thẳng đến nhà Hòa Hạnh tiểu khu 4 (khối 6 cũ)	1,0	1,0	1,0			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
18	Từ ngã tư Truyền hình đi Quang Huy						
18.1	Từ ngã ba ông Hới Đợi rẽ phải đến cổng trường THCS Thị trấn (cũ)	1,0	1,0	1,0			
18.2	Từ cổng trường THCS Thị trấn (cũ) đi chợ mới đến giáp đường Nguyễn Công Trứ	1,0	1,0	1,0			
19	Đường Quang Huy						
-	Tuyến đường từ ngã tư Mo 1 đi xăng dầu: Từ ngã tư nhà ông Hùng đến giáp nhà ông An Mo 1	1,0	1,0	1,0			
20	Đường Xuân Diệu						
-	Đường nhánh Quốc lộ 37 từ nhà Diêm đến hết đất nhà ông Cầm Vĩnh Chi	1,0	1,0	1,0			
21	Đường Phan Đình Giót						
-	Đường nội thị từ Quốc lộ 37 xuống trạm điện tiếp giáp với đường đi xăng dầu	1,0	1,0				
22	Xã Huy Bắc						
22.1	Đường vành đai Huy Bắc (từ đài phun nước ngã tư Huy Bắc đến trường Trung học phổ thông và Trung học cơ sở Huy Bắc cũ)	1,2	1,1	1,1			
22.2	Đường vành đai Huy Bắc (từ trường TH và THCS Huy Bắc cũ đến tiếp giáp đường tiểu khu 4 (khối 6 cũ))	1,1	1,1	1,0			
22.3	Đường trục chính và đường nhánh xung quanh khu đô thị bản Phố, xã Huy Bắc.	1,1	1,1	1,0			
22.4	Đường Bê tông từ ngã ba Kim Tân đi hết khu dân cư Kim Tân	1,0	1,0	1,0			
22.5	Đường Bê tông từ trước cổng BCH Quân sự huyện Phù Yên nối vào đường vành đai Huy Bắc	1,0	1,0	1,0			
22.6	Đường Bê tông tiếp giáp BCH Quân sự huyện Phù Yên rẽ phải đi tiểu khu 4 (khối 5 cũ) thị trấn Phù Yên	1,0	1,0	1,0			
23.7	Từ đường rẽ vào Kim Tân đến công trào tiếp giáp xã Huy Hạ	1,0	1,0	1,0			
23	Xã Quang Huy						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
23.1	Đường Mường Tắc						
-	Từ nhà Hùng Sai đến giáp nhà ông Ánh (Ngân hàng)	1,0	1,0	1,0			
-	Từ nhà ông Ánh Ngân hàng đến hết đất nhà ông Lường - Ấng ao Noong Bua	1,0	1,0	1,0			
23.2	Đường Đinh Văn Tỷ						
-	Từ giáp đất ông Hới Đợi đi Quang Huy đến ngã tư ông Ún	1,0	1,0	1,0			
-	Tuyến từ Ngã tư ông Ún đi thẳng đến tiếp giáp đường Mường Tắc (đường Đinh Văn Tỷ kéo dài qua nhà ông Hiền)	1,0	1,0	1,0			
23.3	Đường Quang Huy						
-	Tuyến ngã tư ông Ún đi chợ mới: Từ nhà ông Ún đến nhà ông Hùng Sai giáp với đường nhánh Chợ mới	1,0	1,0	1,0			
-	Tuyến từ ngã tư ông Ún đi xăng dầu: Từ đất nhà ông An đến đất nhà ông Hoàng bản Mo 2	1,0	1,0	1,0			
-	Tuyến từ ngã tư ông Ún đi xăng dầu: Từ nhà ông Hoàng bản Mo 2 đến ngã ba xăng dầu	1,0	1,0	1,0			
23.4	Xã Quang Huy						
-	Đường khu đô thị hồ Noong Bua	1,3	1,3				
-	Tuyến đường xung quanh hồ Noong Bua, xã Quang Huy	1,2	1,2	1,2			
-	Từ trạm cấp nước Phù Yên đến cầu Nà Xá	1,2	1,2	1,2			
-	Đường Mường Tắc tiếp giáp Quốc lộ 37 đến ngã tư đường rẽ vào trụ sở UBND xã Quang Huy	1,2	1,2	1,2			
23.5	Đường Tạ Xuân Thu						
-	Đường khu đô thị Đông Phù Yên đến trường Mầm non thị trấn cơ sở 2 (trường Mầm non Hoa Hồng cũ)	1,0	1,0				
-	Đường từ ngã ba bản Mo 2 (Mo 4 cũ) đến hết trường Mầm non thị trấn cơ sở 2 (trường Mầm non Hoa Hồng cũ)	1,0	1,0	1,0			
23.6	Đường bê tông rộng từ 2,5 m trở lên đường liên bản Mo 1, Mo 2, Mo Nghè 1, Mo Nghè 2, Tường Quang (trong quy hoạch đô thị)	1,1	1,1	1,1			

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
24	Các tuyến đường còn lại						
24.1	Đường trục chính Chợ thực phẩm	1,1					
24.2	Đường nhánh xung quanh Chợ thực phẩm	1,2					
24.3	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đối với đường bê tông) lớn hơn hoặc bằng 3 m	1,1	1,1	1,1			
24.4	Các tuyến đường còn lại xe con vào được (đối với đường bê tông) nhỏ hơn 3,0 m	1,1	1,1	1,1			
24.5	Các tuyến đường nhánh xe con vào được (đường đất)	1,1	1,1	1,1			
24.6	Các tuyến đường nhánh xe con không vào được	1,1	1,1	1,1			
B	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN						
B1	ĐẤT Ở TẠI KHU DÂN CƯ VEN ĐÔ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐẦU MỐI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG, CHÍNH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU DU LỊCH						
1	Xã Huy Bắc						
1.1	Tuyến từ chợ Huy Bắc đến hết đất nhà ông Cầm Văn Thứ (bản Suối Làng)	1,0	1,0	1,0			
1.2	Tuyến từ giáp đất nhà ông Cầm Văn Thứ đi qua Trụ sở UBND xã Huy Bắc (mới) đến hết đất nhà ông Dương hướng đi Phai Làng	1,0	1,0	1,0			
1.3	Tuyến từ ngã ba Trụ sở UBND xã Huy Bắc (mới) điểm từ Bưu điện đến Trạm biến thế (giáp cánh đồng) bản Nà Phái 1	1,0	1,0	1,0			
2	Đường Quốc lộ đi qua khu quy hoạch dân cư nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đường Tỉnh lộ đi qua khu vực quy hoạch dân cư nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đường huyện quản lý qua khu vực quy hoạch dân cư nông thôn	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
B2	ĐẤT CỤM XÃ, TRUNG TÂM XÃ						
I	Xã Gia Phù						
1	Trung tâm ngã ba Gia Phù đi 3 hướng						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
1.1	Đi Vạn Yên 200 m (đến hết đất nhà ông Dữ Nho)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
1.2	Đi Vạn Yên từ mét 201 (đến nhà ông Việt Phổ Mới xã Gia Phù)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
1.3	Đi Bắc Yên 150 m (đến hết đất nhà ông Thịnh Toàn)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
1.4	Đi Phù Yên 150 m (đến cầu suối Bùa)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
1.5	Từ mét 151 đến mét 441 (giáp trạm Y tế)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
1.6	Từ nhà ông Thịnh Toàn đến cầu suối Hiền (bản Tạo)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ giáp trạm Y tế đến cầu suối Công (từ mét 442 đến mét 1292)	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	
3	Đường mở mới thị tứ Gia Phù, từ đất nhà bà Oanh đến tiếp giáp đường Quốc lộ 43 đi Vạn Yên	1,0	1,0	1,0			
II	Xã Mường Cơi						
1	Trung tâm ngã ba đi 3 hướng						
1.1	Đi Phù Yên cách 150 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
1.2	Từ mét 151 đến mét 291 (đường vào bản suối Bí)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
1.3	Đi Yên Bái 150 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
1.4	Đi Hà Nội 120 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ đường Quốc lộ đến cổng trường Trung học cơ sở Mường Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đường nhánh đi UBND xã Mường Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0		
III	Khu Xường chè						
1	Từ cổng Xường chè đi 2 hướng						
1.1	Đi Hà nội đến cầu Xường chè	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
1.2	Đi Phù Yên cách 150 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Ngã ba đường đi Tân Lang đi 2 hướng						
2.1	Đi Hà Nội cách 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2.2	Đi Phù Yên cách 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2.3	Đi xã Tân Lang cách 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
IV	Xã Mường Do (từ cổng trường THPT và THCS đi các hướng trong khu vực quy hoạch thị tứ mở rộng)						
1	Đi Phù Yên đến chân đèo Bụt	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đi bản Lăn đến cửa hàng Thương nghiệp	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đi xã Mường Bang 200 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Khu trung tâm thị tứ Mường Do trước nhà văn hóa cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
V	Xã Huy Tân (từ trung tâm đi 5 hướng)						
1	Từ ngã tư xã Huy Tân hướng đi bản Lềm 150 m (TL114)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ ngã tư xã Huy Tân hướng đi bản Puôi 150 m (TL114)	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	
3	Từ ngã ba tiếp giáp đường tỉnh lộ 114 hướng đi bản Chằm Chải 150 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã tư xã Huy Tân hướng đi xã Huy Thượng 150 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Từ ngã tư xã Huy Tân đến hết trường Mầm non hướng đi trường cấp I + II	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VI	Xã Mường Thái (ngã ba Mường Thái đi 3 hướng)						
1	Đi Phù Yên cách 150 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đi Phù Yên từ 151 m đến đỉnh Đèo Ban	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Đi Hà Nội cách 150 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Đi Hà Nội từ 151 m đến giáp đất Mường Cơi	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
5	Đi vào trụ sở UBND xã cách 150 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VII	Xã Tân Lang						
1	Từ tỉnh lộ 114 (ngã ba Sông Mưa) hướng đi ngã ba bản Diệt cách 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Tỉnh lộ 114 (ngã ba Sông Mưa) hướng đi suối Đi xã Mường Lang cách 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ cổng trường THPT Tân Lang đi hướng Sông Mưa 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
4	Từ cổng trường THPT Tân Lang đi hướng UBND xã 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
5	Từ cổng UBND xã Tân Lang đi đến cách cổng trường THPT Tân Lang 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
6	Từ cổng UBND xã Tân Lang đi hướng Quốc lộ 32 đến đồn công an Tân Lang cũ	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
VIII	Xã Tân Phong (Từ trung tâm xã đi hai hướng)						
1	Đi bến phà cách 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Đi Phù Yên 300 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
IX	Xã Huy Hạ (ngã ba Huy Hạ đi 3 hướng)						
1	Đi Sơn La đến đầu cầu bản Trò	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0	
3	Từ cầu bản Trò đến hết đất bản Bó (Quốc lộ 37)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0	
4	Từ ngã ba Huy Hạ đến cổng chào tiếp giáp thị trấn Phù Yên (Quốc lộ 37)	1,2	1,2	1,0	1,0	1,0	
5	Từ ngã ba Huy Hạ đến vị trí qua cổng trại giam Yên Hạ 150 m hướng đi xã Huy Tường (TL114)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
X	Xã Huy Thượng (ngã ba trước trụ sở Huy Thượng đi 3 hướng)						
1	Từ trung tâm ngã ba Huy Thượng đến cầu Đập Tràn (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ trung tâm ngã ba Huy Thượng hướng đi Hà Nội 300 m (Quốc lộ 37)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
3	Từ trung tâm ngã 3 Huy Thượng hướng đi Huy Tân 200 m	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	
XI	Xã Tường Hạ						
1	Trụ sở UBND xã Tường Hạ đi Phù Yên 100 m	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Trụ sở UBND xã Tường Hạ đến cầu bản Cóc 1	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIII	Xã Tường Phù						
1	Trụ sở UBND xã Tường Phù đi Phù Yên 150 m	1,1	1,1	1,1	1,1	1,1	
2	Trụ sở UBND xã Tường Phù đi Sơn La đến giáp đất Gia Phù	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XIV	Xã Tường Thượng						

STT	Tuyến đường; Trung tâm cụm xã, trung tâm xã	Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021					Ghi chú
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 5	
1	Trụ sở UBND xã Tường Thượng hướng đi Phù Yên đến tiếp giáp xã Gia Phù	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Trụ sở UBND xã Tường Thượng hướng đi Vạn Yên đến hết ngã ba rẽ bản Chuợp (giáp cánh đồng)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
XV	Xã Suối Bau (ngã tư đỉnh đèo Suối Cáy)						
1	Từ thửa đất nhà bà Tách (bản Suối Cáy) đến hết thửa đất ông Mùa A Giồng (bản Suối Cáy)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
2	Từ thửa đất nhà ông Đinh Văn Liệt đến hết thửa đất nhà ông Thào A Chia (bản Nhọt 1)	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	
B3	Đất ở nông thôn còn lại tại địa bàn các xã thuộc huyện Phù Yên	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/CT-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 12 năm 2020

CHỈ THỊ

Về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La

Thực hiện Chỉ thị số 43/CT-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; để kịp thời khắc phục những hạn chế, bất cập trong công tác xây dựng, thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, từng bước nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu:

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

a) Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật; xác định xây dựng pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; gắn kết việc xây dựng pháp luật với tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố phải trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

b) Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và yêu cầu thực tiễn để chủ động đề xuất các lĩnh vực cần ưu tiên trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thi hành pháp luật. Chủ động rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp mình ban hành thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý để kịp thời đề xuất xử lý những nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không phù hợp thực tiễn nhằm phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội, quyền con người, quyền công dân, hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế, nhất là các điều ước quốc tế Việt Nam mới gia nhập (CPTPP, EVFTA, RCEP...). Chú trọng xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo phân cấp về tổ chức, bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

c) Thực hiện nghiêm Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*). Chú trọng việc tổng kết thi hành pháp luật, khảo sát thực trạng quan hệ xã hội, đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của văn bản, tiếp thu, giải trình đầy đủ, thực chất các ý kiến góp ý

để đảm bảo tính khả thi của văn bản. Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Thủ trưởng các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về chất lượng, thời gian trình các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh theo lĩnh vực của sở, ngành mình quản lý.

d) Tiếp tục kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác pháp chế; điều động, luân chuyển công chức đáp ứng đủ năng lực, trình độ để làm công tác pháp chế, đảm bảo đội ngũ công chức làm công tác này có năng lực, trình độ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao; đảm bảo việc tham gia của cán bộ pháp chế vào công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

e) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật; phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong nghiên cứu xây dựng, đề xuất chính sách và soạn thảo, trình văn bản quy phạm pháp luật. Kết quả của hoạt động này được xem xét là một trong các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là tiêu chuẩn xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan, nhất là người đứng đầu. Chú trọng kiểm tra, phát hiện ngăn chặn và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi “*tham nhũng, trục lợi chính sách*”.

g) Chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Xác định rõ cơ chế phân công, trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật; phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố cần lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời và có biện pháp xử lý kiên quyết, triệt để, đúng pháp luật đối với các vụ việc vi phạm trong tổ chức thi hành pháp luật.

h) Tăng cường hơn nữa năng lực phản ứng chính sách trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật, nhất là trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân doanh nghiệp. Chú trọng đối thoại với doanh nghiệp, người dân về vướng mắc, bất cập trong thực thi chính sách, pháp luật.

i) Chú trọng phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và ý thức tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật và tuân thủ pháp luật. Đổi mới phương pháp, tăng cường nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, coi đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là khâu đầu vào trong tổ chức thi hành pháp luật.

k) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật, nhằm bảo đảm tiến độ, nâng cao chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật.

2. Giám đốc Sở Tư pháp

Tiếp tục phát huy vai trò là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà

nước về công tác xây dựng và thi hành pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tăng cường đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc xây dựng, kiểm tra, rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý; nâng cao chất lượng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, không thực hiện thẩm định khi hồ sơ gửi thẩm định chưa đầy đủ hoặc chưa đảm bảo trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của pháp luật; theo dõi việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, có ý kiến với UBND tỉnh về kết quả tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định. Tăng cường công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện, xử lý các văn bản ban hành trái pháp luật.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ trình tự, thủ tục soạn thảo và hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình UBND tỉnh; không tiếp nhận, xử lý trình UBND tỉnh đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa đủ các tài liệu liên quan hoặc chưa đảm bảo đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định; đề xuất xem xét xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các cơ quan đơn vị chủ trì soạn thảo, thẩm định trong trường hợp văn bản không đảm bảo về chất lượng, chậm tiến độ.

4. Giám đốc Sở Nội vụ

Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành tiếp tục củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

5. Giám đốc Sở Tài chính

Đảm bảo bố trí đủ kinh phí cho hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

6. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố

Chỉ đạo việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ; bố trí kinh phí đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và thi hành pháp luật tại địa phương; xem xét xử lý trách nhiệm đối với cơ quan, người đã tham mưu xây dựng, ban hành văn bản trái pháp luật ngay khi có kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền đối với văn bản trái pháp luật theo đúng quy định của pháp luật.

7. Tổ chức thực hiện

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị này.

b) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị này, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh khi có yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, NC, Hạng 20b.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

Số: 3073/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn La, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng và cấp giấy chứng nhận sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Sơn La năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Văn bản số 3364/UBND-KT ngày 07 tháng 9 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc triển khai bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

Căn cứ Quyết định số 781/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Phụ lục của Quyết định số 1048/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Sơn La năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn La tại Tờ trình số 662/TTr-SNN ngày 31 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Sơn La năm 2020, với các nội dung sau:

1. Kết quả đánh giá, chấm điểm 57 sản phẩm của 45 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tham gia đánh giá năm 2020.

2. Xếp hạng 57 sản phẩm của 45 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất đã được hội đồng đánh giá, phân hạng chấm đạt từ 50 điểm trở lên, bao gồm:

2.1. Sản phẩm đạt hạng 4 sao (****): 22 sản phẩm.

2.2. Sản phẩm đạt hạng 3 sao (***): 35 sản phẩm.

(có Danh sách chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

3. Sản phẩm đạt các hạng sao nêu tại Khoản 2 Điều này được Chủ tịch UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận, được sử dụng nhãn hiệu OCOP và thứ hạng sao đạt được in trên bao bì sản phẩm theo quy định.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Kết quả xếp hạng có giá trị trong 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh*) Cơ quan thường trực Chương trình OCOP tỉnh có trách nhiệm tổ chức công bố công khai sản phẩm được xếp hạng; hướng dẫn UBND cấp huyện, thành phố các chủ thể sản xuất sử dụng và in nhãn hiệu OCOP; thứ hạng sao lên bao bì sản phẩm được công nhận theo quy định; định kỳ kiểm tra các sản phẩm và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, hướng dẫn, hỗ trợ UBND các huyện, thành phố và các chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP tham gia xúc tiến thương mại, kết nối cung cấp thị trường để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm OCOP.

- Tiếp tục hỗ trợ các chủ thể chuẩn hóa các sản phẩm OCOP đã được công nhận để nâng cấp sản phẩm đạt thứ hạng cao hơn của tỉnh và của Quốc gia.

3. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất có sản phẩm được công nhận tại Quyết định này có trách nhiệm hoàn thiện sản phẩm đảm bảo chất lượng theo quy định của Chương trình OCOP.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTTNT;
- UBND các huyện, thành phố;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu VT, Mạnh KT, 10 bản.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

(Đã ký)

Tráng Thị Xuân

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG SẢN PHẨM OCOP TỈNH SƠN LA NĂM 2020
(Kèm theo Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 12/01/2020 của UBND tỉnh)

STT	Tên sản phẩm/ Huyện	Chủ thể OCOP	Địa chỉ	Điểm trung bình	Xếp hạng sao	
					4 sao	3 sao
	Huyện Thuận Châu					
1	Cá rô phi phi lê	HTX Cá Sông Đà Sơn La	Xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	59,31		3 sao
2	Cá trắm hun khói Chiềng La	HTX Nông nghiệp Chiềng La	Xã Chiềng La, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	60,85		3 sao
3	Trà Ô long Thu Đan	Công ty TNHH Trà Thu Đan	Xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	74,44	4 sao	
4	Điểm du lịch Pha Đin Top	HTX Du lịch Pha Đin	Xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	88	4 sao	
	Huyện Sông Mã					
1	Thịt trâu hun khói	Hộ kinh doanh TWOCD	Xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	55,31		3 sao
2	Mật ong Quyết Thắng	HTX nuôi Ong mật Sông Mã	Xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	70,00	4 sao	
3	Xoài sấy dẻo	HTX dịch vụ Nông nghiệp Toàn Thắng	Xã Nà Nghiu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	69,44		3 sao
	Huyện Bắc Yên					
1	Táo Sơn tra khô	HTX Nông nghiệp DVTH Sơn Tra Bắc Yên	Xã Phiêng Ban huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	58,59		3 sao
2	Trà xanh Thiện	Công ty TNHH Trà và đặc sản Tây Bắc	Xã Tà Xùa huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	70,44	4 sao	
3	Tinh dầu sả	Công ty Cổ phần Bảo Lâm Sơn La	Xã Chim Ván huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	70,00	4 sao	
	Huyện Phù Yên					
1	Miến dong Nhân Đức	Hộ kinh doanh Đình Văn Nhân	Xã Huy Thượng, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	65,00		3 sao
2	Nước cốt Chanh leo Khu Han	HTX Chanh leo Khu Han	Xã Mường Do, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	69,31		3 sao
3	Quýt ngọt Nghĩa Hưng	HTX trồng cây ăn quả Nghĩa Hưng	Xã Mường Cói, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	68,12		3 sao
4	Cao An xoa Uyên Thuận	HTX Uyên Thuận	Thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	70,25	4 sao	

STT	Tên sản phẩm/ Huyện	Chủ thể OCOP	Địa chỉ	Điểm trung bình	Xếp hạng sao	
					4 sao	3 sao
5	Chè Mường Do	Tổ hợp tác sản xuất chè sạch Mường Do	Xã Mường Do, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	64,81		3 sao
6	Tinh dầu sả Java Như Ý	HTX Dịch vụ Nông lâm nghiệp Như Ý	Xã Bắc Phong, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	70,00	4 sao	
	Huyện Mường La					
1	Gạo nếp tan Ngọc Chiến	HTX Thành Công	Xã Ngọc Chiến, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	70,38	4 sao	
2	Táo đại Hưng Thịnh	HTX Hưng Thịnh	Xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	69,19		3 sao
3	Thịt bò hun khói Thủy Sương	Hộ kinh doanh cá thể Lò Thị Thủy	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	61,88		3 sao
4	Điểm du lịch cộng đồng Ngọc Chiến	HTX Du lịch cộng đồng Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	74,44	4 sao	
	Huyện Mai Sơn					
1	Ổng hút tre Bình Minh	Công ty TNHH Khai thác và XD Bình Minh	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	72,29	4 sao	
2	Ngọc Trại Queenpearl	Công ty TNHH Ngọc trai Queenpearl	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	77,56	4 sao	
3	Hạt Sa chi Quang Vinh	HTX Quang Vinh	Xã Chiềng Ve, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	69,88		3 sao
4	Nấm Linh Chi	Công ty TNHH Mạnh Thắng	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	70,18	4 sao	
5	Thanh long sấy dẻo	HTX Nông nghiệp Ngọc Hoàng	Xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	71,31	4 sao	
	Huyện Mộc Châu					
1	Đồng trùng hạ thảo ngâm mật ong	HTX Đồng trùng hạ thảo Mộc Châu	TT Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	58,41		3 sao
2	Ruốc cá Hồi Mộc Châu	Hộ kinh doanh Hà Lê	TT Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	52,82		3 sao
3	Mật ong Mộc Châu – Mật ong hoa rừng	Hộ kinh doanh Thơ Ngọc	TT Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	53,76		3 sao
4	Trà Ô long xanh Thủy Ngọc	Công ty TNHH Chè Mộc Sương	Xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	64,94		3 sao
5	Chè Shan tuyết đặc biệt Tân Lập Mộc Châu	HTX sản xuất kinh doanh chè Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	70,29	4 sao	

STT	Tên sản phẩm/ Huyện	Chủ thể OCOP	Địa chỉ	Điểm trung bình	Xếp hạng sao	
					4 sao	3 sao
6	Mật ong Mộc Châu – Mật ong hoa nhãn	Hộ kinh doanh Thơ Ngọc	TT Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	57,18		3 sao
7	Chè Bát tiên đặc biệt Tân Lập Mộc Châu	HTX sản xuất kinh doanh Chè Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	70,65	4 sao	
8	Mứt dâu tây Mộc Châu	Công ty Cổ phần Chimi Mộc Châu	Xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	61,47		3 sao
9	Trà Ô long xanh Thanh Tâm	Công ty TNHH Chè Mộc Sương	Xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	64,82		3 sao
10	Sữa ong chúa Mộc Châu	Hộ kinh doanh Thơ Ngọc	TT Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	58,00		3 sao
11	Miến dong Mộc Châu	Công ty TNHH Kiên Sơn	TT Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	68,06		3 sao
12	Siro dâu tây Mộc Châu	Công ty Cổ phần Chimi Mộc Châu	Xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	63,82		3 sao
13	Đông trùng hạ thảo – sấy khô	HTX Đông trùng hạ thảo Mộc Châu	TT Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	56,71		3 sao
14	Trà Ô long Thúy Ngọc duối đỏ	Công ty TNHH Chè Mộc Sương	Xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	63,50		3 sao
15	Trà Ô long Thanh tâm GABA	Công ty TNHH Chè Mộc Sương	Xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	64,06		3 sao
	Huyện Sốp Cộp					
1	Viên Hà thủ ô mật ong rừng	HTX Long Hiếu	Xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La	67,18		3 sao
	Huyện Vân Hồ					
1	Gạo tẻ râu Song Khùa	HTX sản xuất kinh doanh Lúa tẻ râu Song Khùa	Xã Song Khùa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	69,24		3 sao
2	Măng nứa sấy khô	HTX Nông nghiệp trung tâm Tân Xuân 269	Xã Tân Xuân, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	74,41	4 sao	
3	Trà Mátcha	Công ty Cổ phần Chè Chiềng Đi	Xã Vân Hồ huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	78,88	4 sao	
4	Măng hóc muối chua	HTX sản xuất và chế biến Măng sạch Xuân Nha	Xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	66,19		3 sao
5	Mật ong bánh tổ	Công ty TNHH mật ong Mộc Châu	Xã Vân Hồ huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	64,56		3 sao
6	Trà Sen cha	Công ty Cổ phần Chè Chiềng Đi	Xã Vân Hồ huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	75,81	4 sao	

STT	Tên sản phẩm/ Huyện	Chủ thể OCOP	Địa chỉ	Điểm trung bình	Xếp hạng sao	
					4 sao	3 sao
	Huyện Quỳnh Nhai					
1	Trà cỏ ngọt	HTX Thảo Mộc	Xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	67,75		3 sao
2	Mật ong Chiềng Khay	HTX Lò Mạnh Sáng	Xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	65,00		3 sao
	Thành phố Sơn La					
1	Cốc tre Gia Phát	Công ty Cổ phần tập đoàn Tre Sơn La	Phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	81,53	4 sao	
2	Ổng hút tre Gia Phát	Công ty Cổ phần tập đoàn Tre Sơn La	Phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	80,29	4 sao	
3	Bộ dao thìa đĩa tre Gia Phát	Công ty Cổ phần tập đoàn Tre Sơn La	Phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	81,12	4 sao	
4	Lạp sườn Hoa Xuân	Hộ kinh doanh Tòng Thị Hoa	Phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	64,69		3 sao
	Huyện Yên Châu					
1	Rượu chuối hột Yên Châu	Công ty Cổ phần Rượu Việt Pháp	Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	68,00		3 sao
2	Tinh bột nghệ vàng Thuộc Mai	Hộ kinh doanh Vũ Văn Thuộc	Xã Phiêng Khoai, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	62,88		3 sao
3	Tỏi đen Yên Châu	HTX Tây Bắc	Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	67,06		3 sao
4	Chuối sấy dẻo Yên Châu	Công ty Cổ phần Rượu Việt Pháp	Thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	71,29	4 sao	
			Tổng cộng		22	35

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/CT-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 01 năm 2021

**CHỈ THỊ
Phát động phong trào thi đua năm 2021**

Năm 2021 là năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XV nhiệm kỳ 2020 - 2025; tiến hành cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, thúc đẩy xây dựng tỉnh Sơn La phát triển xanh, nhanh và bền vững, Chủ tịch UBND tỉnh phát động phong trào thi đua năm 2021, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu sắc tư tưởng Thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản pháp luật về thi đua, khen thưởng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

2. Tổ chức triển khai và thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước gắn với các mục tiêu trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026; thực hiện sáng tạo các phong trào thi đua, đã được Thủ tướng Chính phủ phát động: “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”, “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”, “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” và các phong trào thi đua theo chuyên đề như: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, “Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông”; các phong trào thi đua “Lao động sản xuất, kinh doanh giỏi”; “Xây dựng đời sống văn hóa”, thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật... tạo động lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thành phố căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chính trị được giao, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, tổ chức phát động phong trào thi đua gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các phong trào thi đua trọng tâm giải quyết những việc khó khăn, những khâu và lĩnh vực còn yếu, tồn tại, bất cập của địa phương, đơn vị, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong thi đua, hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch nhiệm vụ chính trị năm 2021:

- Phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế: Tổng sản phẩm GRDP trên địa bàn tỉnh tăng 6,9%; thu nhập bình quân đạt 47,0%; Tổng thu ngân sách đạt 4.100 tỷ đồng; Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 22.000 tỷ đồng; phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 23,20%; xã đạt chuẩn nông thôn mới 55 xã. Đồng thời thu hút đầu tư, đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội tạo động lực phát triển kinh tế nhanh và bền vững; tăng cường phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các hoạt động xúc tiến đầu tư, ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực phát triển nông nghiệp, đầu tư các nhà máy chế biến nông sản, công nghệ cao, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm của địa phương; tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La, năng lượng điện mặt trời, điện gió; tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và phát triển kinh tế cho các tập thể là hợp tác xã, doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh phong trào thi đua trong các lĩnh vực Văn hóa - Xã hội, Y tế, Giáo dục: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, toàn diện giáo dục và đào tạo, chú trọng công tác xã hội hóa giáo dục, nhất là giáo dục mầm non, phấn đấu đến hết năm 2021 tỷ lệ trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia đạt 52,7%; Gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” đạt 70%; số bác sỹ/10.000 dân đạt 8 bác sỹ; tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế các tuyến, chăm sóc sức khỏe ban đầu; chủ động phòng, chống dịch bệnh, triển khai các biện pháp dự phòng tích cực, tuyệt đối không lơ là, chủ quan, mất cảnh giác trước dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng y tế dự phòng, dịch vụ khám, chữa bệnh, phát triển nguồn nhân lực y tế về cả số lượng và chất lượng, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ người bệnh.

Cải thiện chất lượng dân số, nâng cao tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân; triển khai đầy đủ kịp thời các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng chính sách xã hội và những người có công với cách mạng, những người thiệt thòi, yếu thế trong xã hội; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 15,62%; tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa vật thể và văn hóa dân tộc, dân tộc thiểu số.

Tiếp tục phát triển ngành du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, xứng tầm là trung tâm du lịch văn hóa đặc sắc của cả nước và khu vực tây bắc, gắn với phát huy giá trị đô thị trên nền tảng văn hóa, theo hướng xanh và thông minh; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, khẳng định thương hiệu;

- Tiếp tục tăng cường thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn vào các ngày lễ, sự kiện lớn trong năm, triển khai tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương năm 2021. Chú trọng chất lượng xây dựng cơ sở xã, phường làm chủ, sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm thật sự vững mạnh, có độ tin cậy cao. Từng bước xây dựng nền an ninh nhân dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; các cơ quan, doanh nghiệp, trường học đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” đạt 94,2%; khu dân cư xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”

đạt 88,4%. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Đẩy mạnh phong trào thi đua trong lĩnh vực xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, bộ máy tổ chức Nhà nước, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; Nâng cao công tác cải cách hành chính, tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối các tổ chức hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, triển khai có hiệu quả chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Xây dựng chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, đô thị thông minh, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức 3,4 cho người dân và doanh nghiệp.

4. Tiếp tục xây dựng triển khai kế hoạch bồi dưỡng và nhân rộng gương điển hình tiên tiến tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, chú trọng việc phát hiện, biểu dương, tuyên truyền các gương điển hình tiên tiến xuất sắc trong các phong trào thi đua, trọng tâm là các điển hình, nhân tố mới trong lao động sản xuất, trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cơ quan thông tin truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; mở các chuyên trang, chuyên mục và tăng thời lượng để giới thiệu, tuyên truyền các gương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, gương người tốt, việc tốt trên các lĩnh vực. Tổ chức giao lưu, gặp gỡ, biểu dương các điển hình tiên tiến, các tập thể, cá nhân xuất sắc trong các phong trào thi đua yêu nước.

5. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác khen thưởng. Làm tốt công tác tổng kết, đánh giá kết quả thi đua; thực hiện việc xét khen thưởng phải đảm bảo chặt chẽ, đúng đối tượng, đúng thành tích, đảm bảo quy trình, thủ tục theo quy định nhưng phải kịp thời, có tác dụng nêu gương, giáo dục và có sức lan tỏa; quan tâm khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu, đối tượng nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng khó khăn; Chú ý khen thưởng thành tích thực hiện các chuyên đề, thành tích xuất sắc, đột xuất. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thi đua khen thưởng của các cấp, các ngành nhằm nâng cao nhận thức, năng lực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng và thực hiện các phong trào thi đua do trung ương, tỉnh và các đoàn thể phát động đạt được hiệu quả thiết thực để phong trào thi đua yêu nước thực sự là

phong trào hành động cách mạng của quần chúng, là động lực tác động tích cực trong thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh năm 2021.

7. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các doanh nghiệp, chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ của từng địa phương, đơn vị, có trách nhiệm cụ thể hóa để thực hiện Chỉ thị này. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện phong trào thi đua năm 2021./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, LLVT của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các trường đại học, cao đẳng, chuyên nghiệp và dạy nghề tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp (100b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 07 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành danh mục Quyết định của UBND tỉnh
quy định chi tiết các nội dung được Luật giao

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc ủy nhiệm điều hành công việc của Chủ tịch UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 02/TTr-STP ngày 06 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được luật giao (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Các sở, ngành được phân công chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các vấn đề được văn bản quy phạm pháp luật cấp Trung ương giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Văn Thủy

DANH MỤC
Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các nội dung được Luật giao
(Kèm theo Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết (cụ thể các Điều, Khoản, Điểm giao chi tiết)	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian trình	Ghi chú
Luật Bảo vệ Môi trường (sửa đổi)	01/01/2022	01	Điểm c Khoản 5 Điều 51. Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi Chính phủ quy định chi tiết Điều này	
		02	Điểm b Khoản 6 Điều 52. Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	
		03	Điểm c Khoản 2 Điều 58. Ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi Chính phủ quy định chi tiết hoạt động ưu đãi, hỗ trợ về môi trường theo Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	
		04	Khoản 6 Điều 62. UBND cấp tỉnh quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với điều kiện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định	

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết (cụ thể các Điều, Khoản, Điểm giao chi tiết)	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian trình	Ghi chú
			của địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn.			chi tiết việc vận chuyển, xử lý chất thải y tế	
		05	Khoản 8 Điều 64. UBND cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	
		06	Khoản 6 Điều 65. UBND cấp tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	
		07	Khoản 7 Điều 72. Ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi Chính phủ quy định chi tiết về phòng ngừa, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải và quy định chi tiết hoạt động ưu đãi, hỗ trợ về môi trường theo Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020	

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết (cụ thể các Điều, Khoản, Điểm giao chi tiết)	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian trình	Ghi chú
		08	Khoản 2 Điều 75. UBND cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	
		09	Khoản 6 Điều 75. Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh được thực hiện theo quy định của UBND cấp tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	
		10	Khoản 4 Điều 77. Việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định của UBND cấp tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	
		11	Khoản 6 Điều 79. UBND cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021 (riêng nội dung quy định về giá thực hiện sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường)	

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết (cụ thể các Điều, Khoản, Điểm giao chi tiết)	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian trình	Ghi chú
		12	Điểm b Khoản 5 Điều 86. Ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải;	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	
		13	Điểm c Khoản 5 Điều 86. Ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	
		14	Điểm d Khoản 5 Điều 86. Ban hành lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình, tại các khu dân cư không tập trung.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sau khi có hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường	
		15	Khoản 5 Điều 102. Trường hợp chất lượng môi trường xung quanh không đảm bảo duy trì mục tiêu bảo vệ chất lượng môi	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Trường hợp chất lượng môi trường xung quanh không	

Tên Luật	Ngày có hiệu lực	STT	Nội dung được giao quy định chi tiết (cụ thể các Điều, Khoản, Điểm giao chi tiết)	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp soạn thảo	Thời gian trình	Ghi chú
			trường, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải của địa phương trong thời hạn tối đa là 02 năm kể từ ngày ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia.			bảo đảm duy trì mục tiêu bảo vệ chất lượng môi trường sẽ tiến hành xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương	
		16	Điểm c Khoản 5 Điều 81. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của UBND cấp tỉnh.	Sở Giao thông vận tải	- Sở Tài nguyên và Môi trường - Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	
		17	Khoản 3 Điều 83. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyên động phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của UBND cấp tỉnh.	Sở Giao thông vận tải	- Sở Tài nguyên và Môi trường - Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Quý IV/2021	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/CT-UBND

Sơn La, ngày 12 tháng 01 năm 2021

CHỈ THỊ
Về tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy
và cứu nạn, cứu hộ năm 2021

Năm 2020, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tình hình công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) đã có những chuyển biến tích cực: Không để xảy ra các vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng (*nhất là cháy rừng*); các vụ cháy giảm 60% so với năm 2019 (*năm 2020 xảy ra 17 vụ cháy*); tổ chức cứu nạn cứu hộ kịp thời và hiệu quả.... Tuy nhiên, trước diễn biến khó lường của biến đổi khí hậu, các loại hình thời tiết cực đoan (*rét đậm, rét hại, hạn hán, sạt lở đất, lũ quét, mưa đá, động đất...*), trong khi nhận thức và hiểu biết của người dân về kỹ năng phòng chống thiên tai còn nhiều hạn chế dẫn đến gia tăng các sự cố cần phải tổ chức cứu nạn, cứu hộ;

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế; đồng thời triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an toàn PCCC&CNCH mùa hanh khô năm 2021, bảo vệ Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, bảo vệ từ xa Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh trong năm 2021. Chủ tịch UBND tỉnh Chỉ thị như sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy; Quyết định số 1635/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy¹.

¹. Kế hoạch số 03-KH/TU ngày 25/11/2015 của Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy; Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 99/2019/QH ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV và Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy; Công văn số 4574/UBND-NC ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác PCCC tại khu dân cư.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCCC&CNCH cho người dân để từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm tham gia vào công tác PCCC&CNCH. Thực hiện nghiêm quy chế dân chủ theo đúng phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” trong công tác PCCC&CNCH. Gắn phong trào toàn dân tham gia phòng cháy, chữa cháy với phong trào xây dựng khu dân cư, gia đình văn hóa, nhân rộng điển hình tiên tiến, kịp thời khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác PCCC&CNCH.

3. Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh theo chức năng nhiệm vụ chỉ đạo

- Đưa nội dung Phổ biến giáo dục pháp luật về PCCC&CNCH vào Kế hoạch Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2021; nâng cao chất lượng nội dung tuyên truyền về pháp luật, kiến thức, kỹ năng PCCC&CNCH cho mọi tầng lớp nhân dân; đa dạng các hình thức tuyên truyền, trong đó cần đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng mạng xã hội phục vụ công tác tuyên truyền về PCCC&CNCH; tập trung tuyên truyền vào các thời điểm có nguy cơ cháy, nổ cao, diễn biến thời tiết, khí hậu phức tạp.

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh tiếp tục chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh thực hiện Chuyên mục “*Alo 114*” để phát sóng định kỳ hàng tháng.

4. Công an tỉnh

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm an toàn PCCC&CNCH trong mùa hanh khô năm 2021, công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn mùa mưa lũ năm 2021; bảo vệ Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc Hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 và bảo vệ các sự kiện quan trọng của đất nước, của tỉnh; các đoàn khách cấp cao của Đảng, Nhà nước, Quốc tế đến thăm và làm việc tại Sơn La.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy và đầu tư phương tiện, doanh trại cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH toàn tỉnh; xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại theo chỉ đạo của Bộ Công an.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về PCCC&CNCH của UBND cấp huyện, cấp xã; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và hộ gia đình trong việc đảm bảo các điều kiện an toàn PCCC&CNCH theo quy định của pháp luật.

Tổ chức điều tra cơ bản, nắm tình hình, xác định các cơ sở, địa bàn trọng điểm về PCCC&CNCH để có các biện pháp quản lý hiệu quả, trong đó tập trung kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định pháp luật về sản xuất, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, sử dụng các loại pháo, “*Đèn trời*”, kinh doanh

trái phép xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các loại hàng hóa độc hại, nguy hiểm, có nguy cơ cháy nổ cao.

- Chủ trì tổ chức tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH; hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực tập các phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đảm bảo đúng theo chức năng, nhiệm vụ; tổ chức Hội thi, Hội thao nghiệp vụ PCCC&CNCH cho các lực lượng PCCC năm 2021 trên địa bàn tỉnh đảm bảo an toàn, tiết kiệm, đúng theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Trung ương về Hội thi, Hội thao PCCC&CNCH.

- Tham mưu triển khai thực hiện:

(1) Tổ chức các hoạt động hưởng ứng, phát động đợt thi đua đặc biệt chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH (04/10/1961 - 04/10/2021) và 20 năm ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy (04/10/2001 - 04/10/2021);

(2) Tổ chức diễn tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cấp tỉnh năm 2021 tại Nhà máy thủy điện Sơn La;

(3) Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh xử lý các cơ sở không đảm bảo an toàn PCCC đưa vào sử dụng trước khi luật PCCC có hiệu lực;

(4) Quy định huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ giữa các lực lượng trên địa bàn tỉnh Sơn La trong thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Chỉ đạo Lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH tăng cường công tác thường trực sẵn sàng chiến đấu 24/24 giờ trong ngày; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, kịp thời tổ chức chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có hiệu quả.

5. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh: Bảo đảm các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở Quốc phòng trên địa bàn tỉnh theo quy định; phối hợp với Công an tỉnh tổ chức triển khai thực hiện tốt Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng và PCCCR.

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tăng cường tối đa lực lượng, bám sát địa bàn trực PCCCR và tham mưu tích cực, kịp thời cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các chủ rừng thực hiện các biện pháp PCCCR. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp giữa lực lượng Kiểm lâm với các lực lượng Công an, Quân đội trong công tác bảo vệ rừng, PCCC&CNCH; phòng cháy và chữa cháy rừng.

7. Sở Công thương

- Chủ trì, phối hợp với Cục Quản lý thị trường tỉnh và các ngành chức năng kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trong sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển trái phép các loại hóa chất, pháo, ‘‘đèn trời’’, các loại đồ chơi nguy hiểm, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng...

- Chỉ đạo các đơn vị điện lực tăng cường kiểm tra hệ thống, mạng lưới điện phòng ngừa nguy cơ gây mất an toàn về PCCC từ hệ thống, thiết bị điện. Phối hợp chặt chẽ với Công an tỉnh trong việc quản lý, hướng dẫn cơ quan, tổ chức, người dân sử dụng an toàn điện.

8. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và các quy hoạch thuộc phạm vi quản lý gắn với quy hoạch hạ tầng về PCCC&CNCH đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn; nghiên cứu đề xuất với cấp có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi hoặc xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng có liên quan đến PCCC&CNCH phù hợp với đặc thù của địa phương.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch đầu tư giai đoạn, hàng năm về lĩnh vực PCCC&CNCH của các sở, ban, ngành, địa phương vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn, hàng năm của tỉnh bảo đảm sự phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm trang thiết bị PCCC&CNCH theo Luật Đầu tư công, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện.

10. Sở Tài chính

Căn cứ dự toán do Công an tỉnh, các sở, ngành, cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh lập, khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, thẩm định nhu cầu kinh phí tổ chức Hội thao nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC và các hoạt động kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và 20 năm ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ triển khai Đề án, dự án, các nội dung phục vụ công tác PCCC&CNCH đã được HĐND, UBND tỉnh phê duyệt, từ nguồn kinh phí đã giao cho Công an tỉnh tại Quyết định số 2788/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh và các nguồn kinh phí được giao bổ sung trong năm theo cơ chế điều hành ngân sách của Trung ương và của địa phương.

Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và chế độ tài chính hiện hành.

11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy; chế độ đối với thành viên đội dân phòng, cơ sở, chuyên ngành khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC...

12. Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường Cao đẳng, Đại học, trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh đưa nội dung kiến thức và kỹ năng PCCC&CNCH vào chương trình giảng dạy, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng ngành học, cấp học và tổ chức cho học sinh, sinh viên ký cam kết không sản xuất, tàng trữ, buôn bán, vận chuyển và đốt các loại pháo, đốt thả “đèn trời” trái với quy định của pháp luật hiện hành.

13. Sở Nội vụ phối hợp với Công an tỉnh phát động đợt thi đua đặc biệt kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và 20 năm ngày toàn dân phòng cháy và chữa cháy; phối hợp với Công an tỉnh hướng dẫn, thẩm định trình khen thưởng theo quy định.

14. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: Tiếp tục huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân tham gia các hoạt động PCCC&CNCH; gắn kết phong trào “Toàn dân PCCC” với các phong trào, cuộc vận động do Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên phát động; đưa nội dung phong trào “Toàn dân PCCC” thành một nội dung của cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phối hợp xây dựng các “Cụm dân cư an toàn PCCC”; tổ chức đăng ký thi đua xây dựng khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn, điển hình tiên tiến về PCCC; xây dựng và củng cố lực lượng nòng cốt trong phong trào PCCC&CNCH ở cơ sở vững mạnh, đáp ứng yêu cầu theo phương châm 04 tại chỗ.

15. UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và tổ chức kiểm tra:

(1) Bảo đảm an toàn PCCC&CNCH dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu 2021, bảo vệ từ xa Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, cuộc bầu cử đại biểu Quốc Hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;

(2) Việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về PCCC&CNCH ở cấp xã;

(3) Việc thực hiện chế độ quản lý, bảo quản, bảo dưỡng các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã được tỉnh trang bị cho lực lượng dân phòng nhằm quản lý chặt chẽ và phát huy hiệu quả trong công tác PCCC&CNCH.

- Phối hợp với Công an tỉnh tổ chức Hội thi, Hội thao nghiệp vụ PCCC&CNCH; tổ chức diễn tập phương án chữa cháy lớn, cứu nạn, cứu hộ phức tạp có huy động nhiều lực lượng khi có yêu cầu; tiếp tục chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn củng cố, kiện toàn các đội dân phòng; tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC&CNCH cho lực lượng dân phòng; nhân rộng “Cụm dân cư an toàn

PCCC” gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong năm 2021 mỗi địa phương lựa chọn, nhân rộng tối thiểu 05 “*Cụm dân cư an toàn PCCC*” và duy trì hoạt động có hiệu quả các “*Cụm dân cư an toàn PCCC*” hiện có.

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ thanh tra, kiểm tra định kỳ theo quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm; có biện pháp đôn đốc, yêu cầu khắc phục sơ hở, thiếu sót về phòng cháy, chữa cháy và an toàn trong sử dụng điện; làm rõ trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở vi phạm và những người có liên quan; tăng cường hướng dẫn người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở, chủ hộ gia đình, chủ rừng, chủ phương tiện giao thông tự kiểm tra an toàn phòng cháy, chữa cháy và an toàn trong sử dụng điện thuộc phạm vi quản lý của mình. Tổ chức trực, ứng trực 24/24h trong mùa hanh khô, trong thời gian diễn ra các dịp lễ, tết, các sự kiện trọng đại của đất nước và của địa phương.

- Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC&CNCH trên địa bàn theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động lĩnh vực QP - AN; Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc; kinh phí trang bị phương tiện PCCC&CNCH cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an tỉnh trên địa bàn, giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh và các văn bản hướng dẫn khác của các Bộ, ngành Trung ương và các sở, ngành chức năng của tỉnh.

Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; người đứng đầu các sở, ban, ngành, các đơn vị lực lượng vũ trang, đề nghị các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh chỉ đạo xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị này; Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chỉ thị gửi về Công an tỉnh trước ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Kế hoạch thực hiện Chỉ thị gửi trước ngày 30 tháng 01 năm 2021 (*qua Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, địa chỉ: 63a Tô Hiệu, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, Email: doi1pc66@gmail.com*) để tổng hợp.

Giao Công an tỉnh chủ trì giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc và tổng hợp tình hình, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (để b/c);
- Bộ Công an (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Bộ Công an;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, Bộ Công an;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo Sơn La, Đài PTTH tỉnh, Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Bắc;
- Các trường Cao đẳng, Đại học, trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh;
- Các đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, ĐH.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/CT-UBND

Sơn La, ngày 13 tháng 01 năm 2021

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác quản lý, tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Sơn La

Thời gian qua, công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng cao. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức, viên chức hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện, kịp thời bổ sung số lượng công chức, viên chức còn thiếu cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh; đảm bảo ổn định đội ngũ công chức, viên chức, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Số lượng biên chế công chức chưa thực hiện còn nhiều so với chỉ tiêu được giao nhất là ở cấp huyện; một số cơ quan, đơn vị thực hiện trình tự, thủ tục tuyển dụng viên chức có nội dung chưa đúng quy định; việc chuyển đổi vị trí công tác chưa đáp ứng được yêu cầu; việc sắp xếp, bố trí, sử dụng công chức, viên chức ở một số đơn vị chưa phù hợp với vị trí việc làm nên còn đề xảy ra tình trạng thiếu cục bộ, nhất là đội ngũ giáo viên ở các cấp học, môn học....

Để khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức, viên chức; thực hiện tốt các mục tiêu về đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức theo Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về

tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Chủ động rà soát, đề xuất trình UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) nhu cầu tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức theo chỉ tiêu biên chế được UBND tỉnh giao hàng năm.

3. Chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức trình Sở Nội vụ phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Chấm dứt việc ký hợp đồng lao động để làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách bảo đảm chi thường xuyên hoặc bảo đảm một phần chi thường xuyên (*trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*).

5. Rà soát, sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đảm bảo phù hợp với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, hạn chế tình trạng thừa, thiếu cục bộ, không đảm bảo tiêu chuẩn, hoạt động kém hiệu quả; Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện với UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

6. Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức, viên chức lãnh đạo quản lý theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; thực hiện đúng quy định của pháp luật về số lượng cấp phó theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Giao Sở Nội vụ

7.1. Giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

7.2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức kịp thời đề xuất UBND tỉnh biện pháp chỉ đạo, xử lý.

7.3. Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức; kịp thời tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp với các quy định của pháp luật.

Định kỳ tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức, tiếp nhận vào làm công chức đảm bảo kịp thời. Phê duyệt kế hoạch và tổ chức việc giám sát thực hiện kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã, viên chức của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh.

7.4. Chủ động rà soát, đề xuất sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện có hiệu quả kế hoạch tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước;
- Lãnh đạo VP, CVCK, phòng HC-TC-QT;
- Lưu: VT, NC, (Hiệp10 b).

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com